

**BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**



**ĐỀ ÁN
ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

Tên ngành đào tạo	: QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP
Tên tiếng Anh	: INDUSTRIAL MANAGEMENT
Mã số	: 7510601
Cơ sở đào tạo	: Trường Đại học Lạc Hồng
Trình độ đào tạo	: Đại học chính quy

Tháng 3/2026

**ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

Số: 519 /QĐ-ĐHLH

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý công nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

Căn cứ Quyết định số 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 1801/QĐ-TTg ngày 22/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-ĐHLH.K3 ngày 15/12/2025 của Hội nghị nhà đầu tư về việc công nhận chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học tư thục Lạc Hồng nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGD&ĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGD&ĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGD&ĐT, ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Qui định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ.ĐHLH.K3 ngày 19/01/2026 của Hội đồng trường Trường Đại học Lạc Hồng về việc chấp nhận chủ chương mở 2 ngành đào tạo mới trình độ đại học: ngành Quản lý công nghiệp và ngành An toàn thông tin;

Căn cứ Biên bản số 350/BB-ĐHLH họp ngày 27/3/2026 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Lạc Hồng về việc thông qua Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý công nghiệp;

Căn cứ kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục của trường theo Bộ tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Giấy chứng nhận số 050/CEAHCM-TR theo quyết định số 140/QĐ-TTKĐ ngày 22/9/2023;

Căn cứ chức năng và quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng Khoa học & Đào tạo Trường và Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành **Quản lý công nghiệp** tại Trường Đại học Lạc Hồng; mã số: 7.51.06.01.

Điều 2. Việc tổ chức thực hiện, xác định chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, cấp bằng theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **30 tháng 3 năm 2026**.

Điều 4. Trường khoa Cơ điện – Điện tử, Trường phòng Đào tạo và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./,✓

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bà Đỗ Thị Lan Đài, CT.HĐT;
- Lưu: VT, K.CĐ, P.ĐT, (160).



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

- Tên ngành đào tạo : QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP
- Tên tiếng Anh : INDUSTRIAL MANAGEMENT
- Mã số : 7510601
- Cơ sở đào tạo : Trường Đại học Lạc Hồng
- Trình độ đào tạo : Đại học chính quy

MỤC LỤC

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	4
1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	4
1.1 Giới thiệu sơ lược về cơ sở đào tạo	4
1.2 Sự cần thiết về việc mở ngành	6
1.3 Kết quả khảo sát nhu cầu tuyển dụng và dự báo nguồn nhân lực	8
1.4 Cơ sở đối sánh chương trình đào tạo	8
2. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	9
2.1 Năng lực của cơ sở đào tạo	9
2.2 Đội ngũ cán bộ của cơ sở đào tạo tham gia chính đào tạo ngành Quản lý công nghiệp	12
a) Danh sách giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT	13
b) Danh sách giảng viên, nhà khoa học	13
c) Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học	13
d) Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo	13
2.3 Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan	13
2.4 Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học	14
2.5 Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo	15
3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHI TIẾT NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP	17
3.1 Giới thiệu chung	17
3.1.1 Mục tiêu đào tạo	17
3.1.2 Vị trí và khả năng làm việc sau tốt nghiệp	17
3.1.3 Quan điểm xây dựng chương trình đào tạo	18
3.1.4 Hình thức và thời gian đào tạo	18
3.2 Đối tượng tuyển sinh	18
3.3 Chuẩn đầu ra	19
3.3.1 Kiến thức	19
3.3.3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm	19
3.4 Các môn học và mối quan hệ với chuẩn đầu ra	19
3.4.1 Các môn học đại cương	19
3.4.2 Các môn học cơ sở ngành	20
3.4.3 Các môn học chuyên ngành	21
3.5 Chuỗi môn học	22
3.6 Chương trình đào tạo	23
3.6.1 Tỷ lệ các khối kiến thức	23
3.6.2 Khối kiến thức giáo dục đại cương	23

3.6.3 Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	24
3.6.3.1 Nhóm các môn học cơ sở ngành	24
3.6.3.2 Nhóm các môn học chuyên ngành	24
3.6.3.3 Nhóm các môn học tự chọn (Chọn 4 trong 6 môn)	25
3.6.4 Khối kiến thức tốt nghiệp	25
3.7 Kế hoạch giảng dạy mẫu	26
3.7.1 Sơ đồ thứ tự học giữa các môn học	26
3.7.2 Kế hoạch giảng dạy mẫu	27
3.8 Điều kiện tốt nghiệp	31
4. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC MÔN HỌC	33
4.1. Khối Kiến Thức Giáo Dục Đại Cương	33
4.2. Khối Kiến Thức Giáo Dục Chuyên Nghiệp	40
4.3. Khối Kiến Thức Tốt Nghiệp	50
5. KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO	52
5.1 Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo theo yêu cầu của kế hoạch đào tạo và tương xứng với mức thu học phí.	52
5.2 Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo tổ chức hội nghị, hội thảo và nghiên cứu khoa học.	52
5.3 Kế hoạch hợp tác đào tạo với đơn vị tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp.	55
6. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN	56
6.1. Đề nghị của cơ sở đào tạo	56
6.2. Cam kết thực hiện	56
PHỤ LỤC	58

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo : QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

Tên tiếng Anh : INDUSTRIAL MANAGEMENT

Mã số : 7510601

Cơ sở đào tạo : Trường Đại học Lạc Hồng

Trình độ đào tạo : Đại học chính quy

1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1.1 Giới thiệu sơ lược về cơ sở đào tạo

Trường Đại học Lạc Hồng (sau đây viết tắt là ĐHLH) là trường đại học đầu tiên của tỉnh Đồng Nai, được thành lập năm 1997 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 790/QĐ-TTg ngày 24/9/1997, đi vào hoạt động và tuyển sinh khóa đầu tiên năm 1997 theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo số 3678/GD-ĐT ngày 13/11/1997. Trường ĐHLH là trường ngoài công lập nên mọi hoạt động đầu tư đều tự lực từ nguồn vốn của nhà đầu tư, không có nguồn vốn nào khác.

Khi mới thành lập, Trường ĐHLH được giao đào tạo bậc đại học với 4 ngành đào tạo chính gồm: Công nghệ Thông tin, Điện tử Viễn thông, Kỹ thuật Công trình, Kinh tế với 3 chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh, Tài chính Kế toán, Thương mại Du lịch. Đến nay, số ngành đào tạo ở bậc đại học đã lên đến 24 ngành bao trùm nhiều lĩnh vực khác nhau như lĩnh vực kỹ thuật, kinh tế, xã hội nhân văn, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, dược...

Trường Đại học Lạc Hồng hiện gồm có 9 cơ sở kang trang, hiện đại trong đó 8 cơ sở đều tọa lạc tại phường P. Trăn Biên và 1 cơ sở tại Long Khánh tọa lạc tại 67, Nguyễn Du, Phường Xuân An, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

Cơ sở 1 - Trụ sở chính của trường - Địa chỉ: Số 10, Huỳnh Văn Nghệ (Tỉnh lộ 24), P. Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai. Cơ sở 1 bao gồm 3 tòa nhà chính A, B và C với diện tích 9.536m² gồm văn phòng làm việc, hội trường, phòng máy... trong đó có 300 m² thư viện với 18.000 cuốn sách và hơn 12.000 tài liệu điện tử.

Cơ sở 2 - Địa chỉ: Số 15/3B Liên tỉnh lộ 24, P. Trăn Biên, T. Đồng Nai. Cơ sở 2 gồm 1 tòa nhà với 30 phòng học và các văn phòng làm việc với diện tích 4.500 m². Ngoài ra còn có 1 xưởng lắp ráp máy tính nằm trong khuôn viên của trường.

Cơ sở 3 tọa lạc tại khu phố 4 Liên tỉnh lộ 24, P. Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai trên diện tích đất 28.000m². Gồm 1 tòa nhà 5 tầng với các văn phòng làm việc, phòng Lab, phòng tư liệu Nhật Bản, phòng tư liệu Hàn Quốc, 1 hội trường lớn và hơn 20 phòng học. Nằm trong khuôn viên cơ sở 3 là Khu nội trú của trường với diện tích trên 4.000m². Khu nội trú có cấu trúc 5 tầng, có sức chứa hơn 1.500 chỗ, 90 phòng ở cho sinh viên và các phòng chức năng. Bên cạnh Khu nội trú của trường là Bếp ăn sinh viên rộng 350m² thoáng mát sạch sẽ, hợp vệ sinh có khả năng phục vụ từ 400 - 600 suất ăn hàng ngày.

Cơ sở 4 tọa lạc tại E38 - Huỳnh Văn Nghệ (Tỉnh lộ 24), P. Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai. Đây là cơ sở chủ yếu đào tạo ngoại ngữ và tin học, ...

Cơ sở 5 tọa lạc tại phường Trăn Biên, có tổng diện tích đất 02 ha, trong đó có 01 dãy phòng học rộng rãi, thoáng mát, hiện đại 1.000m² và 1 nhà xưởng đa năng với diện tích 4.000m². Cơ sở 5 gồm 30 phòng học, 4 giảng đường lớn với tổng sức chứa là 4.300 sinh viên.

Cơ sở 6, đây là cơ sở chuyên dành cho thực hành thực tập và chuyển giao công nghệ với diện tích sàn sử dụng 3.357m² và có đến 50 phòng bao gồm các phòng thí nghiệm chức năng, phòng chuyên đề, phòng trưng bày sản phẩm khoa học kỹ thuật và phòng nghỉ dành cho giảng viên. Đồng thời sẽ đầu tư thêm các phòng nghiên cứu và thí nghiệm về năng lượng mới, robot công nghiệp, thí nghiệm kiểm tra vật liệu.

Cơ sở Dược tọa lạc tại Khu phố Tân Bửu, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra còn có Trung tâm Giáo dục thể chất địa chỉ tại Khu phố Tân Thành, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai với diện tích 9201.2m².

Cơ sở Long Khánh tọa lạc tại 67, Nguyễn Du, Phường Xuân An, Tỉnh Đồng Nai. Đây là cơ sở đào tạo ngắn hạn, chuyên về tin học và Ngoại ngữ.

Trong quá trình hoạt động, Trường Đại học Lạc Hồng luôn chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực giảng dạy đại học. Ngoài ra, Trường Đại học Lạc Hồng còn đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Trường đã không ngừng phấn đấu cải tiến

chất lượng đào tạo và đến nay, nhiều chương trình đào tạo của trường đã đạt chuẩn kiểm định quốc tế, bao gồm:

Tháng 3 năm 2018, Trường Đại học Lạc Hồng được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục đại học thuộc Đại học Quốc gia TP. HCM cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục đại học.

Tính đến tháng 03/2026 trường đã có 18 chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định AUN-QA (Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á), đảm bảo chất lượng đào tạo theo tiêu chuẩn khu vực. Và 2 chương trình đào tạo về Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử và Công nghệ Kỹ thuật Thông Tin đã đạt chuẩn kiểm định quốc tế ABET (Accreditation Board for Engineering and Technology), một trong những chuẩn mực uy tín toàn cầu về đào tạo kỹ thuật và công nghệ.

Những thành tựu này khẳng định uy tín và chất lượng đào tạo của Đại học Lạc Hồng trên trường quốc tế, giúp sinh viên của trường tự tin cạnh tranh trên thị trường lao động toàn cầu.

1.2 Sự cần thiết về việc mở ngành

Khoa Điện - Điện tử được thành lập ngay từ lúc thành lập trường Trường Đại học Lạc Hồng (LHU) năm 1997. Nhận thấy nhu cầu ngày càng tăng về nguồn nhân lực trong các lĩnh vực điện công nghiệp và cơ điện tử phục vụ cho sự phát triển của các khu công nghiệp tại tỉnh Đồng Nai, LHU đã triển khai các chương trình đào tạo chuyên ngành khác. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cho phép LHU đào tạo các chương trình kỹ sư chính quy trong các ngành: 1) Công nghệ Kỹ thuật Cơ Khí; 2) Điện Công Nghiệp; 3) Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa; và 4) Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử. Để quản lý hiệu quả hơn, trường đã thành lập Khoa mới mang tên "Khoa Cơ Điện".

Năm 2013, nhà trường nhận ra tầm quan trọng của việc kết hợp giữa khoa Điện tử và khoa Cơ điện để phát triển bền vững, do đó hai khoa đã được sáp nhập thành "Khoa Cơ Điện - Điện Tử" nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động trong bối cảnh hội nhập khu vực và sự cạnh tranh vì sự phát triển bền vững của khoa.

Khoa hiện có tổng cộng 37 nhân sự, bao gồm 3 phó giáo sư (chiếm tỷ lệ 8.1%), 11 tiến sĩ (chiếm tỷ lệ 29.73%), 20 thạc sĩ (chiếm tỷ lệ 54.05%) và 3 kỹ sư (chiếm tỷ lệ 8.11%). Hiện tại, khoa có 05 bộ môn: Công nghệ kỹ thuật Cơ khí, Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử, Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa, và Công nghệ kỹ thuật Ô tô, Công nghệ kỹ thuật Cơ

điện tử. Với đội ngũ nhân lực như vậy, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cấp phép cho khoa đào tạo Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Điện vào năm 2015.

Trong quá trình hoạt động Khoa luôn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như của Trường, đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực giảng dạy đại học gồm các chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử, Công nghệ kỹ thuật tự động hóa, và Công nghệ kỹ thuật ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử.

Tại Đồng Nai, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với 33 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động ổn định, đến nay đã thu hút hơn 1.900 dự án, trong đó có khoảng gần 1.400 dự án đầu tư nước ngoài. Sân bay Quốc tế Long Thành đang khởi công xây dựng góp phần thúc đẩy giao thương mạnh mẽ giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước trong tương lai gần nên nhu cầu về nguồn nhân lực là rất lớn. Nhu cầu nhân lực tại đây không chỉ dừng lại ở kỹ sư kỹ thuật thuần túy hay cử nhân kinh tế, mà đang "khát" nguồn nhân lực lai (hybrid) – những người hiểu biết về kỹ thuật sản xuất nhưng có tư duy quản trị hệ thống, tối ưu hóa quy trình và quản lý chuỗi cung ứng.

Trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0, các doanh nghiệp tại Đồng Nai và khu vực lân cận đang chuyển dịch mạnh mẽ sang mô hình Sản xuất thông minh. Nhu cầu nhân lực không còn dừng lại ở việc quản lý thủ công, mà đòi hỏi phải có năng lực chuyển đổi số. Chương trình đào tạo Quản lý Công nghiệp được xây dựng nhằm đón đầu xu hướng này, tích hợp các công nghệ tiên tiến như AI, Big Data, ERP vào quản trị sản xuất, tạo ra lợi thế cạnh tranh vượt trội cho sinh viên Đại học Lạc Hồng so với các chương trình truyền thống. Ngành Quản lý Công nghiệp giải quyết bài toán này bằng cách kết hợp kiến thức kỹ thuật (Cơ khí, Điện, Tự động hóa) với kỹ năng quản lý (Quản trị sản xuất, Chuỗi cung ứng, Quản lý dự án). Việc mở ngành này tại Đại học Lạc Hồng là bước đi chiến lược, tận dụng thế mạnh sẵn có của Khoa Cơ Điện – Điện Tử, Tài chính – Kế toán và Khoa Quản trị - Kinh tế Quốc tế để đáp ứng nhu cầu thực tế của kỷ nguyên công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số trong sản xuất.

Trường Đại học Lạc Hồng, với gần 30 năm kinh nghiệm đào tạo trong lĩnh vực kỹ thuật, sở hữu đội ngũ giảng viên chất lượng và cơ sở vật chất hiện đại, hoàn toàn có khả năng đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Không chỉ tập trung vào nhu cầu nhân lực cho tỉnh Đồng Nai, việc đào tạo cử nhân quản lý công nghiệp còn hướng đến

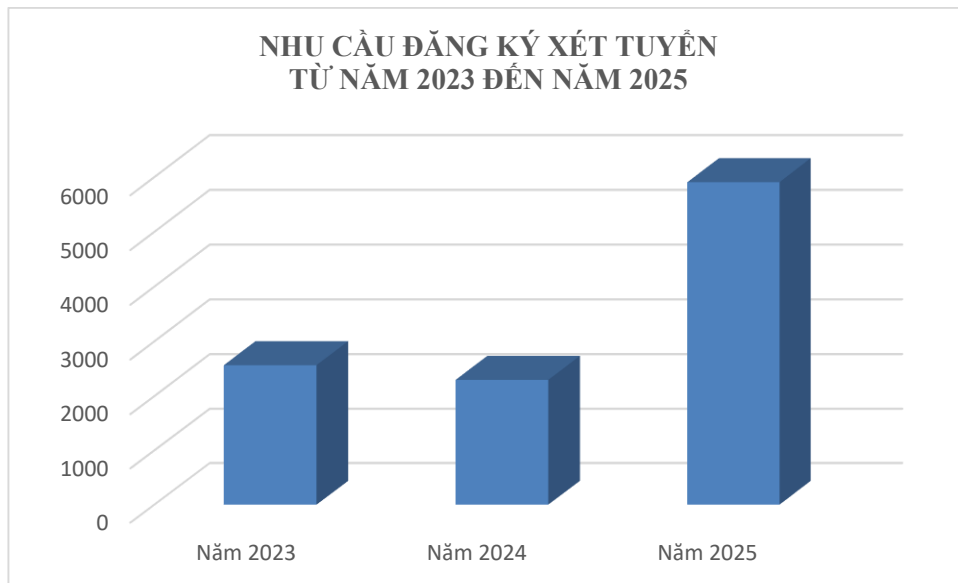
các khu vực lân cận như Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP. HCM, nơi các ngành công nghiệp công nghệ cao đang phát triển mạnh mẽ.

Đề án mở ngành Quản lý công nghiệp (Mã ngành: 7510601) được xây dựng dựa trên cơ sở năng lực của Khoa và nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động; đảm bảo phù hợp với sứ mạng, chiến lược phát triển cũng như chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường. Đồng thời, Đề án bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại: Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 và Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Số liệu nhu cầu học ngành Quản lý công nghiệp từ năm 2023 đến năm 2025 (*Số liệu từ Hệ thống đăng ký xét tuyển LHU*):

Năm	Tên	Số đăng ký	Tổng cộng
Năm 2023	Quản lý công nghiệp	1700	2566
	Quản lý Công nghiệp (CT Dạy & học bằng Tiếng Anh)(Chuyên ngành: Quản lý Công nghiệp, Quản lý Chuỗi Cung ứng & Vận hành, Quản trị Kinh doanh)	114	
	Quản Lý Công Nghiệp (Chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh)	114	
	Quản lý công nghiệp (đào tạo bằng tiếng Anh)	178	
	Quản lý Công nghiệp(Chuyên ngành: Quản lý Công nghiệp, Quản lý Chuỗi Cung ứng & Vận hành, Quản trị Kinh doanh)	460	
Năm 2024	Quản lý công nghiệp	1034	2297
	Quản lý Công nghiệp (CT Dạy & học bằng Tiếng Anh)(Chuyên ngành: Quản lý Công nghiệp, Quản lý Chuỗi Cung ứng & Vận hành, Quản trị Kinh doanh)	72	
	Quản Lý Công Nghiệp (Chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh)	72	
	Quản lý công nghiệp (đào tạo bằng tiếng Anh)	180	
	Quản lý công nghiệp (đào tạo bằng tiếng Việt)	297	
	Quản lý Công nghiệp(Chuyên ngành: Quản lý Công nghiệp, Quản lý Chuỗi Cung ứng & Vận hành, Quản trị Kinh doanh)	642	
Năm 2025	Quản lý công nghiệp	3778	5907
	Quản lý Công nghiệp (CT Dạy & học bằng Tiếng Anh)(Chuyên ngành: Quản lý Công nghiệp, Quản lý Chuỗi Cung ứng & Vận hành, Quản trị Kinh doanh)	186	

Năm	Tên	Số đăng ký	Tổng cộng
	Quản Lý Công Nghiệp (Chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh)	186	
	Quản lý công nghiệp (đào tạo bằng tiếng Anh)	358	
	Quản lý công nghiệp (đào tạo bằng tiếng Việt)	297	
	Quản lý Công nghiệp(Chuyên ngành: Quản lý Công nghiệp, Quản lý Chuỗi Cung ứng & Vận hành, Quản trị Kinh doanh)	1102	



Biểu đồ 1: Nhu cầu đăng ký xét tuyển ngành Quản lý công nghiệp từ năm 2023 đến năm 2025 (Số liệu từ Hệ thống đăng ký xét tuyển LHU)

1.3. Kết quả khảo sát nhu cầu tuyển dụng và dự báo nguồn nhân lực

Để đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng đúng nhu cầu của thị trường lao động, Trường Đại học Lạc Hồng đã tiến hành khảo sát nhu cầu tuyển dụng đối với ngành Quản lý Công nghiệp tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (các KCN Biên Hòa 2, Amata, Long Thành, Nhơn Trạch và một số công ty KCN VSIP 1). Kết quả khảo sát cho thấy hơn 85% doanh nghiệp được khảo sát cho biết họ có nhu cầu tuyển dụng nhân sự vừa có am hiểu về kỹ thuật/công nghệ sản xuất, vừa có tư duy quản trị, tối ưu hóa hệ thống và phân tích dữ liệu. Các doanh nghiệp ưu tiên tuyển dụng nhân sự Quản lý công nghiệp cho các vị trí: Quản lý sản xuất, Quản lý chuỗi cung ứng, Chuyên viên Lean/Six Sigma, và Quản lý chất lượng. Ngoài ra, theo Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động (FALMI), nhóm ngành Kỹ thuật - Quản lý công nghiệp và Logistics dự kiến sẽ cần hàng chục ngàn lao động chất lượng cao mỗi năm trong giai đoạn 2025-2030 khi Đồng Nai trở thành thành phố trực thuộc trung ương và sân

bay quốc tế Long Thành được đưa vào sử dụng, đặc biệt khi xu hướng Chuyển đổi số và Sản xuất thông minh đang được đẩy mạnh tại các nhà máy FDI.

1.4. Cơ sở đối sánh chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Quản lý công nghiệp của Trường Đại học Lạc Hồng được thiết kế với tổng khối lượng 122 tín chỉ (thời gian đào tạo 3.5 năm), cấp bằng Cử nhân (Bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam). Để đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn và định hướng hội nhập quốc tế, Ban soạn thảo đã tiến hành đối sánh toàn diện với 04 chương trình đào tạo uy tín hàng đầu trong và ngoài nước, bao gồm: Đại học bang Arizona (ASU - Mỹ), Đại học Bách Khoa TP.HCM (HCMUT), Đại học Kỹ thuật Công nghệ TP.HCM (HCMUTE) và Đại học Cần Thơ (CTU).

Về tiêu chuẩn quốc tế, chương trình tham chiếu trực tiếp đến hệ Cử nhân Khoa học Kỹ thuật (Bachelor of Science in Engineering) của Đại học bang Arizona (ASU) - một trong những trường kỹ thuật top đầu của Mỹ đạt chuẩn kiểm định ABET. Chương trình của ASU thiết lập chuẩn đầu ra với khối lượng chính xác là 120 tín chỉ. Điều này khẳng định quy mô 122 tín chỉ của Đại học Lạc Hồng là hoàn toàn chuẩn mực và tương thích với các chương trình đào tạo cử nhân kỹ thuật - quản lý hiện đại trên thế giới.

Về bối cảnh trong nước, sự chuyển dịch từ mô hình Kỹ sư hàn lâm (Bậc 7, yêu cầu trên 150 tín chỉ hoặc kéo dài như ĐH Cần Thơ với 140 tín chỉ) sang mô hình Cử nhân ứng dụng (Bậc 6) đang là xu hướng tất yếu của các trường kỹ thuật lớn. Cụ thể, ĐH Bách Khoa TP.HCM (khóa 2024) đã điều chỉnh khung chương trình Cử nhân xuống còn 130 tín chỉ, và ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM là 125 tín chỉ (hệ đại trà).

Về định hướng khác biệt so với các trường kỹ thuật truyền thống, chương trình của Đại học Lạc Hồng tạo ra lợi thế cạnh tranh bằng cách mạnh dạn tinh gọn các học phần Khoa học tự nhiên (như Hóa học, Vật lý đại cương) và các môn Cơ khí hàn lâm không còn sát với thực tiễn điều hành. Thay vào đó, chương trình dồn trọng tâm vào các năng lực cốt lõi của kỷ nguyên Công nghiệp 4.0: Chuyển đổi số, Phân tích dữ liệu (ERP, Data Analytics) và Tối ưu hóa vận hành (Lean Six Sigma, Quản trị chuỗi cung ứng - SCM).

Sự tinh gọn mang tính chiến lược này, kết hợp với phương pháp Học tập qua dự án (Project-based Learning) và thời lượng thực tập sâu tại doanh nghiệp, giúp sinh viên Lạc Hồng có thể tốt nghiệp sớm trong 3.5 năm. Lộ trình này đáp ứng chính xác và kịp thời "cơn khát"

nhân lực điều hành lai của các doanh nghiệp FDI tại khu vực Đồng Nai và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. (Chi tiết Bảng đối sánh chương trình xem tại Phụ lục trang 68).

2. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1 Năng lực của cơ sở đào tạo

Trải qua hơn 29 năm hình thành và phát triển, đến nay Trường có các Khoa và Bộ môn đào tạo các ngành, chuyên ngành sau:

➤ Đào tạo trình độ Đại học: Theo từng nhóm ngành

	Khoa quản lý	Mã số	Tên ngành	Tên chuyên ngành
1	Dược	7720201	Dược học	1. Quản lý và cung ứng thuốc 2. Phát triển và sản xuất thuốc 3. Dược lý, Dược lâm sàng 4. Chăm sóc Dược 5. Khoa học Dược
2	Công nghệ Thông tin	7480201	Công nghệ Thông tin	1. Kỹ thuật phần mềm 2. Kỹ thuật máy tính 3. Hệ thống thông tin 4. Mạng máy tính và truyền thông
		7340122	Thương mại điện tử	Thương mại điện tử
		7320104	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện
		7480107	Trí tuệ nhân tạo	Trí tuệ nhân tạo
3	Cơ điện – Điện tử	7510201	Công nghệ Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ Kỹ thuật cơ khí
		7510303	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa
		7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	Công nghệ kỹ thuật Vi mạch
				Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử
		7510205	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô
				Công nghệ Kỹ thuật Ô tô điện
		7510203	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử
		7510102		Xây dựng dân dụng và công nghiệp

	Khoa quản lý	Mã số	Tên ngành	Tên chuyên ngành
4	Kỹ thuật công trình		Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng	Xây dựng cầu đường
		7320108	Quan hệ công chúng	Quan hệ công chúng
5	Khoa học và công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ Thực phẩm
				Quản lý chất lượng và An toàn thực phẩm.
				Khoa học thực phẩm và Dinh dưỡng.
		7440301	Khoa học Môi trường	Công nghệ Môi trường
				An toàn, sức khỏe và Môi trường.
				Năng lượng xanh và Sinh thái môi trường.
6	Tài chính – Kế Toán	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
		7340301	Kế toán	Kế toán
		7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
7	Quản trị – Kinh tế quốc tế	7340101	Quản trị Kinh doanh	Quản trị Kinh doanh
		7380107	Luật Kinh tế	Luật Kinh tế
		7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
		7340115	Marketing	Marketing
		7340120	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế
		7380101	Luật	Luật
8	Đông Phương	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Trung Quốc học
		7310608	Đông phương học	Nhật Bản học
				Hàn Quốc học
9	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh

Tổng cộng: 9 khoa, 26 ngành và 41 chuyên ngành đại học.

Đào tạo Sau đại học

➤ Trình độ chuyên khoa I

Tính đến thời điểm hiện nay, ĐHLH có 2 ngành đào tạo chuyên khoa:

STT	Khoa quản lý	Chuyên ngành đào tạo	Mã ngành
1	Dược	Tổ chức quản lý dược	CK 607320
2	Dược	Dược lý và dược lâm sàng	CK 607305

➤ Trình độ Thạc sĩ:

Có 9 ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ:

STT	Khoa quản lý	Chuyên ngành đào tạo	Mã ngành
1	Sau đại học	Quản trị Kinh doanh	8340101
2	Sau đại học	Kế toán	8340301
3	Sau đại học	Tài chính - Ngân hàng	8340201
4	Sau đại học	Công nghệ Thông tin	8480201
5	Sau đại học	Kỹ thuật điện	8520201
6	Sau đại học	Kỹ thuật Xây dựng	8580201
7	Sau đại học	Tổ chức quản lý Dược	8720212
8	Sau đại học	Ngôn ngữ Anh	8220201
9	Sau đại học	Kỹ thuật ô tô	8520130

➤ Đào tạo trình độ tiến sĩ:

Tại ĐHLH hiện có 2 ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ:

STT	Khoa quản lý	Chuyên ngành đào tạo	Mã ngành
1	Sau đại học	Quản trị Kinh doanh	9340101
2	Sau đại học	Khoa học máy tính	9480101

2.2 Đội ngũ cán bộ của cơ sở đào tạo tham gia chính đào tạo ngành Quản lý công nghiệp

a) Danh sách giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh
1	PGS. TS Nguyễn Thanh Lâm	Trường Đại học Lạc Hồng	Chủ trì
2	PGS. TS Hồ Thị Thu Hòa	Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. HCM	Ủy viên
3	TS. Phạm Văn Toàn	Trường Đại học Lạc Hồng	Ủy viên
4	TS. Phan Như Quân	Trường Đại học Lạc Hồng	Ủy viên
5	TS. Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Trường Đại học Lạc Hồng	Ủy viên
6	Ông. Nguyễn Minh Thiện	Công ty TNHH Tokin Electronics (Việt Nam)	Ủy viên
7	TS. Huỳnh Tuấn Tú	Trường Đại học Lạc Hồng	Ủy viên

b) Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo.

Hiện tại cơ sở đào tạo có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, giảng viên cơ hữu đảm nhận giảng dạy trên 90% khối lượng của chương trình, cụ thể gồm: 04PGS, 13TS, 36ThS. (Xem chi tiết ở phần phụ lục trang 70).

c) Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo (Xem chi tiết ở phần phụ lục trang 79).

d) Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo (Xem chi tiết ở phần phụ lục trang 84)

2.3 Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan

Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố) (Xem chi tiết ở phần phụ lục trang 85)

2.4 Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Trường Đại học Lạc Hồng xác định hợp tác quốc tế (HTQT) là một trong những cơ hội để tiếp cận trình độ khu vực, hội nhập toàn diện với giáo dục đại học trong khu vực và thế giới. Từ nhận thức đó, Nhà trường đã chủ động thiết lập quan hệ và triển khai các hoạt động hợp tác với các trường đại học và tổ chức quốc tế theo đúng quy định của Nhà nước và đã đạt được nhiều thành quả đáng khích lệ, xây dựng và bổ sung nguồn lực hiện có và nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và đổi mới chương trình đào tạo (CTĐT) phù hợp với tiêu chuẩn khu vực và thế giới. Các hoạt động HTQT rất đa dạng như tiếp các đoàn khách đến thăm trường, mời giảng viên nước ngoài đến giảng dạy; ký kết bản ghi nhớ hợp tác (MOU) với 18 trường đại học và tổ chức quốc tế. Nhà trường đã có nhiều chương trình HTQT cấp học bổng cho 32 giảng viên và 43 sinh viên; có các chương trình trao đổi giảng viên và sinh viên; chương trình tài trợ về tài chính và sách giáo khoa và chương trình hợp tác NCKH với đối tác nước ngoài.

Mới đây nhất, ngày 12 tháng 3 năm 2025 –Trường Đại học Lạc Hồng (LHU) chính thức công bố hợp tác chiến lược toàn diện với Arizona State University (ASU), đánh dấu một cột mốc quan trọng trong hành trình phát triển theo tầm nhìn LHU 2.0. Sự kiện này không chỉ mở ra cơ hội nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu tại LHU mà còn giúp học viên tiếp cận mạng lưới học thuật và doanh nghiệp toàn cầu, gia tăng lợi thế cạnh tranh trong môi trường hội nhập.

Ngoài ra, Khoa Cơ điện – Điện tử, Đại học Lạc Hồng những năm gần đây đã mở rộng hợp tác quốc tế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Khoa đã thiết lập các chương trình đào tạo liên kết với nhiều trường đại học hàng đầu tại Đài Loan, Trung Quốc và Nhật Bản, tạo điều kiện cho sinh viên được học tập trong môi trường quốc tế, tiếp cận công nghệ tiên tiến và nâng cao kỹ năng chuyên môn. Thông qua các chương trình trao đổi sinh viên, hợp tác nghiên cứu và đào tạo, sinh viên có cơ hội thực tập, học tập trong môi trường quốc tế, mở ra nhiều cơ hội việc làm tại các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới.

Trong năm 2024, Khoa Cơ điện – Điện tử đã triển khai tuyển sinh và đào tạo 04 ngành theo chương trình Việt - Nhật hệ đại học chính quy: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá; Công nghệ kỹ thuật ô tô.

2.5 Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

a) Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

Cơ sở vật chất và phương tiện giảng dạy của Trường như phòng học, thư viện, máy chiếu và phòng máy vi tính, máy thực hành trong đo đạc đáp ứng tốt yêu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên được minh chứng và xác nhận trong biên bản kiểm tra thực tế điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện, cụ thể:

* Phòng học và phòng thực hành, thực tập:

Có 113 phòng bao gồm Hội trường, giảng đường, phòng học, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên với tổng diện tích 9.850,31 m²; trong đó có:

- 03 hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ, tổng diện tích 1,115.64 m².
- 14 phòng học từ 100 – 200 chỗ, tổng diện tích 1,936.94 m²
- 44 phòng học từ 50-100 chỗ, diện tích 3,354.04 m².
- 30 phòng học dưới 50 chỗ, diện tích 1,384.80 m².
- 01 phòng học đa phương tiện, diện tích 135 m².
- 21 phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu, diện tích 1.711.89 m².

* Thư viện, trung tâm học liệu:

- 07 phòng bao gồm Thư viện, trung tâm học liệu, diện tích 938,69 m²
- Các phòng thực hành phục vụ ngành Quản lý công nghiệp:

TT	TÊN PHÒNG
1	Trung tâm Công nghệ robot
2	Lac Hong Design factory
3	Phòng thực hành PLC
4	Phòng thực hành Điện tử công suất
5	Phòng thực hành Đo lường – Cảm biến
6	Phòng thực hành Điện tử cơ bản – Viễn thông
7	Phòng 3S/5S- An toàn – Cải tiến
8	Phòng thực hành Điện cơ bản và Cung cấp điện
9	Phòng thực hành Quấn dây - Trang bị điện
10	Phòng thực hành Vi điều khiển
11	Phòng thực hành Tự động hóa
12	Phòng thực hành Logistic

b) Thư viện:

Thư viện Đại học Lạc Hồng tổ chức khai thác, lưu trữ và cung cấp thông tin tư liệu trong các lĩnh vực khoa học; công nghệ; kinh tế; ngoại ngữ; xã hội và nhân văn... phục vụ công tác đào tạo; nghiên cứu; học tập của cán bộ, giảng viên và học viên trong Nhà trường.

Đến nay, Thư viện đã có hơn 11.200 đầu sách gồm sách tiếng Việt; tiếng Anh, tiếng Trung, Hàn, tiếng Nhật; 3.470 báo cáo nghiên cứu khoa học; luận văn; luận án. Tài liệu điện tử đa dạng và phong phú.

Thư viện gồm một phòng mượn, hai phòng đọc, bốn phòng học nhóm, hệ thống bàn học với 100 chỗ ngồi 09 máy tính phục vụ cho độc giả trong việc học tập, tra cứu và truy cập internet.

Từ cuối năm 2019 Thư viện chuyển sang mô hình Thư viện mở, cho độc giả vào kho sách xem và tự chọn tài liệu để đọc tại chỗ hoặc mượn mang về.

Địa điểm: Phòng A201 – Cơ sở 1

Điện thoại: 02513 952726

Email: thuvien@lhu.edu.vn

Google map: <https://goo.gl/maps/Jxnwr3Y5Tk2vYnE67>

Thư viện số:

Thư viện số là trang liên kết với trang tailieu.vn, hiện tại kho Thư viện số của trường đã có gần 9.000 tài liệu

Link truy cập: <http://thuvienso.lhu.edu.vn>

Cơ sở dữ liệu điện tử:

Gồm 03 cơ sở dữ liệu (CSDL): CSDL Proquest Central, CSDL Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ Việt Nam, CSDL Công bố Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Link truy cập:

<https://lhtv.vista.gov.vn/>

Tra cứu tài liệu:

Link truy cập: <https://lib.lhu.edu.vn/>

Trang tài nguyên học tập cho chúng ta tìm kiếm; download; đăng ký mượn; gia hạn thời gian mượn tài liệu từ các nguồn tài nguyên như: Sách; Giáo trình; Tài liệu điện tử và Báo cáo NCKH (nghiên cứu khoa học) trong toàn hệ thống hoặc theo bộ sưu tập.

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHI TIẾT NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

Tên chương trình:	Quản lý công nghiệp
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Quản lý công nghiệp
Mã ngành đào tạo:	7510601
Loại hình đào tạo:	Chính quy tập trung
Đối tượng áp dụng:	Từ khóa tuyển sinh năm 2026
Thời điểm xây dựng cập nhật CTĐT:	Tháng 03 năm 2026

3.1 Giới thiệu chung

3.1.1 Mục tiêu đào tạo

- **PEO 1:** Đề xuất giải pháp và đưa ra các quyết định quản trị hiệu quả dựa trên dữ liệu và các công cụ phân tích hiện đại.
- **PEO 2:** Thiết kế, vận hành và cải tiến các hệ thống sản xuất/ dịch vụ, hướng tới tối ưu hóa năng suất, chất lượng và hiệu quả vận hành theo tư duy quản trị tinh gọn và công cụ số hóa.
- **PEO 3:** Phát huy năng lực lãnh đạo và quản lý trong môi trường làm việc đa văn hóa; sử dụng Tiếng Anh hiệu quả trong hoạt động chuyên môn; thể hiện tư duy đổi mới sáng tạo và định hướng khởi nghiệp trong bối cảnh hội nhập.
- **PEO 4:** Thực hành đạo đức nghề nghiệp gắn liền với trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững; duy trì học tập suốt đời để thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ và môi trường kinh doanh.

3.1.2 Vị trí và khả năng làm việc sau tốt nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý công nghiệp có thể làm việc tại các vị trí sau:
- **Quản lý & Vận hành:** Quản lý hoạch định sản xuất (Production Planner), Giám sát sản xuất (Production Supervisor), Quản lý phân xưởng, Điều phối viên dự án công nghiệp.
- **Chuỗi cung ứng & Logistics:** Chuyên viên Mua hàng kỹ thuật (Technical Purchasing), Quản lý kho vận & Logistics, Quản lý vận hành hệ thống ERP/SAP.
- **Chất lượng & Cải tiến:** Chuyên viên Kiểm soát chất lượng (QA/QC Staff), Chuyên viên cải tiến quy trình (Lean/Kaizen/CI Staff), Chuyên viên phân tích dữ liệu sản xuất.

3.1.3 Quan điểm xây dựng chương trình đào tạo

Trường Đại học Lạc Hồng căn cứ vào các Quyết định và Thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xây dựng chương trình đào tạo ngành Quản lý công nghiệp:

- Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số: 02/2022/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 01 năm 2022 về quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Quyết định số 03/QĐ-ĐHLH ngày 02/01/2026 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và liên thông đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ cho khóa tuyển sinh 2026.

Ngoài ra, chương trình đào tạo được xây dựng trên sự góp ý của hội đồng Khoa học Khoa Cơ điện - Điện tử, các chuyên gia tại các doanh nghiệp, các giảng viên có kinh nghiệm tại các trường đại học và có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật HCM, Trường Đại học Cần Thơ, Đại học Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.4 Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo: chính quy tập trung.

- Thời gian đào tạo: 3,5 năm.

3.2 Đối tượng tuyển sinh

- Học sinh đã tốt nghiệp THPT.

- Phương thức tuyển sinh: Thực hiện theo Đề án tuyển sinh trình độ đại học hàng năm của Trường Đại học Lạc Hồng và các quy chế, quy định tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các tổ hợp môn xét tuyển được lựa chọn đảm bảo phù hợp với khối kiến thức nền tảng của ngành Quản lý công nghiệp.

3.3 Chuẩn đầu ra

Sinh viên tốt nghiệp chương trình cử nhân ngành Quản lý công nghiệp phải đáp ứng các

yêu cầu về tiêu chuẩn đầu ra sau:

3.3.1 Kiến thức

- **PLO 1:** Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và công nghệ thông tin để phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản lý công nghiệp.

- **PLO 2:** Phân tích và áp dụng các nguyên lý quản trị hiện đại để hoạch định, tổ chức, giám sát và cải tiến các quá trình sản xuất - dịch vụ.

3.3.2 Kỹ năng

- **PLO 3:** Sử dụng tư duy phân tích dữ liệu và các phần mềm chuyên dụng để phát hiện lãng phí, phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp cải tiến hiệu quả hoạt động của hệ thống.

- **PLO 4:** Giao tiếp hiệu quả bằng văn bản, lời nói và đa phương tiện; sử dụng tiếng Anh đạt chuẩn quy định để làm việc và trao đổi chuyên môn trong môi trường kỹ thuật và thương mại.

- **PLO 5:** Tổ chức, điều phối và làm việc hiệu quả trong các nhóm đa chức năng; thể hiện năng lực tự chủ, ra quyết định phù hợp và chịu trách nhiệm trong công việc chuyên môn được giao.

3.3.3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- **PLO 6:** Thể hiện sự chuyên nghiệp, tuân thủ pháp luật, các quy định an toàn và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; có ý thức trách nhiệm xã hội và tinh thần chủ động học tập suốt đời nhằm thích ứng với sự phát triển của công nghệ.

3.4 Các môn học và mối quan hệ với chuẩn đầu ra

3.4.1 Các môn học đại cương

Quy ước:

1 - Không liên quan đến chuẩn đầu ra

2 - Liên quan ở mức thấp

3 - Liên quan ở mức trung bình

4 - Liên quan ở mức cao

STT	Mã MH	Tên môn học	Chuẩn đầu ra					
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
1	102063	Triết học Mác - Lênin	3	2	2	2	3	3
2	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	2	2	2	2	3
3	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	2	2	3	2
4	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	2	2	2	2	3

STT	Mã MH	Tên môn học	Chuẩn đầu ra					
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
5	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	2	2	2	3	2
6	102006	Pháp luật đại cương	3	3	2	2	3	3
7	102012	Tin học đại cương	3	3	3	3	3	3
8	102027	Toán cao cấp C	4	2	2	2	1	3
9	102146	Ngoại ngữ 1	3	2	2	4	2	3
10	102147	Ngoại ngữ 2	3	2	2	4	2	3
11	102148	Ngoại ngữ 3	3	2	2	4	2	3
12	102149	Ngoại ngữ 4	3	2	2	4	2	3
13	102150	Ngoại ngữ 5	3	2	2	4	2	3
14	102002	Giáo dục thể chất 1	1	1	1	1	1	1
15	102003	Giáo dục thể chất 2	1	1	1	1	1	1
16	102004	Giáo dục thể chất 3	1	1	1	1	1	1

3.4.2 Các môn học cơ sở ngành

Quy ước:

- 1 - Không liên quan đến chuẩn đầu ra
- 2 - Liên quan ở mức thấp
- 3 - Liên quan ở mức trung bình
- 4 - Liên quan ở mức cao

STT	Mã MH	Tên môn học	Chuẩn đầu ra					
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
1	102038	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	4	3	2	2	2	2
2	150002	Nhập môn Quản lý công nghiệp	4	3	3	2	2	2
3	150020	CAD cho thiết kế hệ thống sản xuất & Layout	3	4	2	2	2	2
4	150021	Nguyên lý hệ thống điện – tự động cho nhà quản lý	4	4	2	2	2	2
5	150003	Quản lý và Tối ưu hóa quy trình	3	2	3	2	2	2
6	130131	Kinh tế học	4	3	3	2	2	2
7	150024	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	4	2	2	1	1
8	130134	Quản trị học	3	4	2	2	2	2

STT	Mã MH	Tên môn học	Chuẩn đầu ra					
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
9	130133	Nguyên lý kế toán	4	3	3	1	1	2
10	150004	Quản lý sản xuất	4	4	2	2	2	3
11	150005	Kỹ thuật dự báo trong công nghiệp	4	4	2	2	2	2
12	150006	Tối ưu hóa vận hành	4	4	2	2	2	2

3.4.3 Các môn học chuyên ngành

STT	Mã MH	Tên môn học	Chuẩn đầu ra					
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
1	150008	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	4	3	2	3	2
2	150010	Mô phỏng hệ thống	4	4	3	2	1	3
3	150011	Tự động hóa quá trình sản xuất và Internet vạn vật công nghiệp	4	4	3	2	2	3
4	150026	Quản trị sản xuất số	4	4	4	3	2	3
5	150022	Hệ thống sản xuất thông minh	4	4	2	2	2	3
6	116110	Bảo trì công nghiệp	4	4	2	2	2	2
7	199021	Logistics in the Supply Chain	4	3	2	1	2	3
8	150013	Sản xuất sạch & An toàn công nghiệp	3	3	3	1	2	2
9	150014	Sản xuất tinh gọn	4	4	3	3	4	3
10	150015	Thiết kế và phát triển sản phẩm	3	3	3	3	2	4
11	150016	Đồ án môn học quản lý công nghiệp	4	4	3	1	3	3
12	150023	Quản trị mua hàng	3	4	3	2	3	2
13	199032	Quality Management	3	4	3	3	2	3
14	199020	Strategic Procurement	4	3	4	3	3	3
15	199022	Project Management	4	4	3	3	3	3

STT	Mã MH	Tên môn học	Chuẩn đầu ra					
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
16	150017	Tiếng anh thương mại	3	4	2	4	2	3
17	199019	Operations and Supply Management	4	4	3	3	3	3
18	199031	Strategic Enterprise Innovation	3	4	3	4	3	3
19	150030	Học kỳ thực tập	3	4	3	4	3	3
20	150038	Khóa luận tốt nghiệp	4	4	4	3	3	3

3.5 Chuỗi môn học

HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7
Kiến thức cơ bản về tư duy số & kỹ thuật cơ bản	Kiến thức cơ bản về kinh tế & quản trị	Kiến thức nền tảng về mô phỏng & tối ưu	Kiến thức nền tảng về công cụ tối ưu & vận hành	Cải tiến hệ thống, Logistics, và Chuỗi cung ứng	Lập kế hoạch, xây dựng hệ thống, và quản lý vĩ mô	Khóa luận tốt nghiệp

3.6 Chương trình đào tạo

3.6.1 Tỷ lệ các khối kiến thức

Khối kiến thức		Tổng số tín chỉ	Ghi chú
Khối kiến thức giáo dục đại cương	Lý luận chính trị	13	
	Ngoại ngữ	12	
	Môn học khác	6	
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở ngành	33	
	Chuyên ngành	37	
	Tự chọn	7	
Tốt nghiệp	Thực tập doanh nghiệp (nếu có), đồ án (nếu có)	4	
	Khóa luận hoặc chuyên đề tốt nghiệp	10	
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa		122	

3.6.2 Khối kiến thức giáo dục đại cương

Mã MH	Môn học	Số tín chỉ				Ghi chú
		Tổng TC	Lý thuyết	Thực hành	Bài tập	
102063	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	0	
102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	0	
102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0	
102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0	
102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	0	
102006	Pháp luật đại cương	2	2	0	0	
102012	Tin học đại cương	3	0	3	0	
102027	Toán cao cấp C	3	2	0	1	
102146	Ngoại ngữ 1	2	1	0	1	
102147	Ngoại ngữ 2	2	1	0	1	
102148	Ngoại ngữ 3	2	1	0	1	
102149	Ngoại ngữ 4	3	2	0	1	
102150	Ngoại ngữ 5	3	2	0	1	
102002	Giáo dục thể chất 1	0	0	0	0	
102003	Giáo dục thể chất 2	0	0	0	0	
102004	Giáo dục thể chất 3	0	0	0	0	
TỔNG CỘNG		31	22	3	6	

3.6.3 Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

3.6.3.1 Nhóm các môn học cơ sở ngành

Mã MH	Môn học	Số tín chỉ				Ghi chú
		Tổng TC	Lý thuyết	Thực hành	Bài tập	
102038	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	1	0	1	
150002	Nhập môn Quản lý công nghiệp	2	1	0	1	
150020	CAD cho thiết kế hệ thống sản xuất & Layout	3	2	0	1	
150021	Nguyên lý hệ thống điện – tự động cho nhà quản lý	3	2	0	1	
150003	Quản lý và Tối ưu hóa quy trình	3	2	0	1	
130131	Kinh tế học	3	1	0	2	
150024	Phân tích dữ liệu kinh doanh	2	1	0	1	
130134	Quản trị học	3	1	0	2	
130133	Nguyên lý kế toán	3	1	0	2	
150004	Quản lý sản xuất	3	2	0	1	
150005	Kỹ thuật dự báo trong công nghiệp	3	2	1	0	
150006	Tối ưu hóa vận hành	3	2	1	0	
TỔNG CỘNG		33	18	2	13	

3.6.3.2 Nhóm các môn học chuyên ngành

Mã MH	Môn học	Số tín chỉ				Ghi chú
		Tổng TC	Lý thuyết	Thực hành	Bài tập	
150008	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	0	3	0	
150026	Quản trị sản xuất số	3	2	1	0	
150027	Kế toán quản trị	3	1	0	2	
150010	Mô phỏng hệ thống	3	1	2	0	
150011	Tự động hóa quá trình sản xuất và Internet vạn vật công nghiệp	3	1	2	0	
199021	Logistics in the Supply Chain	3	2	0	1	
150013	Sản xuất sạch & An toàn công nghiệp	2	1	0	1	
150014	Sản xuất tinh gọn	3	2	1	0	
150016	Đồ án môn học quản lý công nghiệp	2	0	1	1	
199032	Quality Management	3	2	1	0	
199020	Strategic Procurement	3	2	0	1	

Mã MH	Môn học	Số tín chỉ				Ghi chú
		Tổng TC	Lý thuyết	Thực hành	Bài tập	
199022	Project Management	3	2	1	0	
150017	Tiếng anh thương mại	3	2	0	1	
TỔNG CỘNG		37	18	12	7	

3.6.3.3 Nhóm các môn học tự chọn (Chọn 4 trong 8 môn)

Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ				Ghi chú
		Tổng TC	Lý thuyết	Thực hành	Bài tập	
150022	Hệ thống sản xuất thông minh	2	1	0	1	
116110	Bảo trì công nghiệp					
150023	Quản trị mua hàng	2	1	0	1	
150015	Thiết kế và phát triển sản phẩm					
199019	Operations and Supply Management	3	2	0	1	
199031	Strategic Enterprise Innovation					
Tổng cộng		7	4	0	3	

3.6.3.4 Thực tập

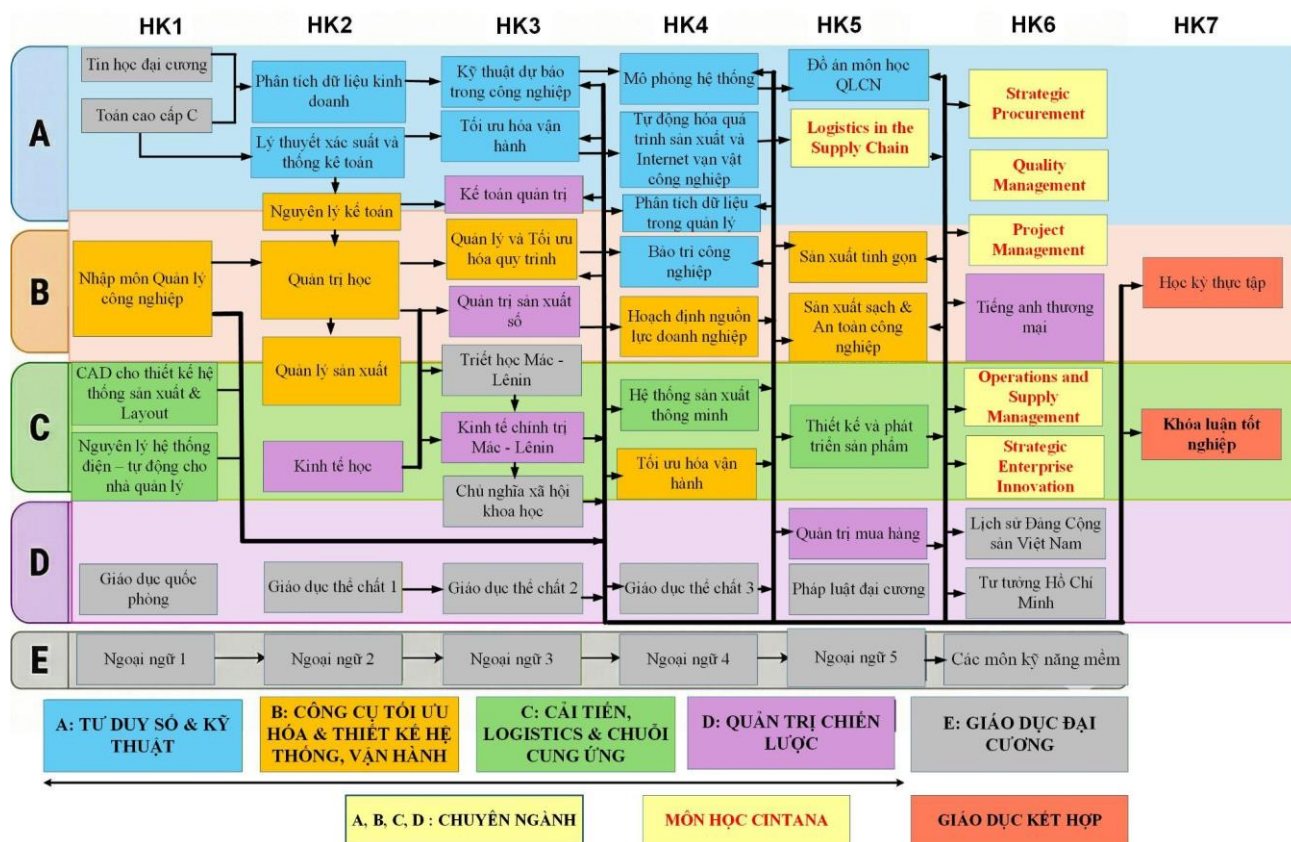
STT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ			
			Tổng TC	Lý thuyết	Thực hành	Bài tập
1	150030	Học kỳ thực tập	4	0	4	0
	Tổng cộng		4	0	4	0

3.6.4 Khởi kiến thức tốt nghiệp

Mã MH	Môn học	Số tín chỉ				Ghi chú
		Tổng TC	Lý thuyết	Thực hành	Bài tập	
116100	Tốt Nghiệp	10	0	10	0	
TỔNG CỘNG		10	0	10	0	

3.7 Kế hoạch giảng dạy mẫu

3.7.1 Sơ đồ thứ tự học giữa các môn học



3.7.2 Kế hoạch giảng dạy mẫu

Học kỳ 1

Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ			
		Tổng TC	Lý thuyết	Thực hành	Bài tập
	Giáo dục quốc phòng				
102112	Tin học đại cương	3	0	3	0
102027	Toán cao cấp C	3	2	0	1
102146	Ngoại ngữ 1	2	1	0	1
150002	Nhập môn Quản lý công nghiệp	2	1	0	1
150020	CAD cho thiết kế hệ thống sản xuất & Layout	3	2	0	1
150021	Nguyên lý hệ thống điện – tự động cho nhà quản lý	3	2	0	1
Tổng cộng		16	8	3	5

Học kỳ 2

Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ			
		Tổng TC	Lý thuyết	Thực hành	Bài tập
102002	Giáo dục thể chất 1				
102147	Ngoại ngữ 2	2	1	0	1
102038	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	1	0	1
130131	Kinh tế học	3	1	0	2
150024	Phân tích dữ liệu kinh doanh	2	1	0	1
130134	Quản trị học	3	1	0	2
150004	Quản lý sản xuất	3	2	0	1
130133	Nguyên lý kế toán	3	1	0	2
Tổng cộng		18	8	0	10

Học kỳ 3

Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ			
		Tổng TC	Lý thuyết	Thực hành	Bài tập
102003	Giáo dục thể chất 2				
102148	Ngoại ngữ 3	2	1	0	1
102063	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	0
102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	0

102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0
150026	Quản trị sản xuất số	3	2	1	0
150005	Kỹ thuật dự báo trong công nghiệp	3	2	1	0
150003	Quản lý và Tối ưu hóa quy trình	3	2	0	1
150027	Kế toán quản trị	3	1	0	2
Tổng cộng		21	15	2	4

Học kỳ 4

Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ			
		Tổng TC	Lý thuyết	Thực hành	Bài tập
102004	Giáo dục thể chất 3				
102149	Ngoại ngữ 4	3	2	0	1
150008	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	0	3	0
150010	Mô phỏng hệ thống	3	1	2	0
150011	Tự động hóa quá trình sản xuất và Internet vạn vật công nghiệp	3	1	2	0
150006	Tối ưu hóa vận hành	3	2	1	0
150022	Hệ thống sản xuất thông minh	2	1	0	1
116110	Bảo trì công nghiệp				
Tổng cộng		17	7	8	2

Học kỳ 5

Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ			
		Tổng TC	Lý thuyết	Thực hành	Bài tập
102150	Ngoại ngữ 5	3	2	0	1
102006	Pháp luật đại cương	2	2	0	0
199021	Logistics in the Supply Chain	3	2	0	1
150013	Sản xuất sạch & An toàn công nghiệp	2	1	0	1
150014	Sản xuất tinh gọn	3	2	1	0
150016	Đồ án môn học quản lý công nghiệp	2	0	1	1
150023	Quản trị mua hàng	2	1	0	1
150015	Thiết kế và phát triển sản phẩm				
Tổng cộng		17	10	2	5

Học kỳ 6

Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ			
		Tổng TC	Lý thuyết	Thực hành	Bài tập
102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0
102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	0
199032	Quality Management	3	2	0	1
199020	Strategic Procurement	3	2	0	1
199022	Project Management	3	2	1	0
150017	Tiếng anh thương mại	3	2	0	1
199019	Operations and Supply Management	3	2	0	1
199031	Strategic Enterprise Innovation				
Tổng cộng		19	14	1	4

Học kỳ 7

Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ			
		Tổng TC	Lý thuyết	Thực hành	Bài tập
150030	Học kỳ thực tập	4	0	4	0
150038	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	10	0
Tổng cộng		14	0	14	0

3.8 Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên đủ điều kiện được xét tốt nghiệp khi hoàn tất các yêu cầu sau:

3.8.1 Tin học: Đạt một trong các điều kiện sau

- Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin (Trường ĐH Lạc Hồng cấp).
- Các Văn bằng, Chứng chỉ, Giấy chứng nhận tương đương.

3.8.2 Ngoại ngữ: Đạt một trong các điều kiện sau

- Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh Bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường Đại học Lạc Hồng hoặc các đơn vị được Bộ GDĐT công nhận đủ điều kiện tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Anh theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương chuẩn B1 Châu Âu, hoặc các chứng chỉ quốc tế như TOEIC, IELTS quy đổi tương đương theo quy định của Trường Đại học Lạc Hồng).

3.8.3 Giáo dục quốc phòng

Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh do Trường Đại học Lạc Hồng cấp hoặc các cơ sở đào tạo được Bộ GDĐT cho phép đào tạo bộ môn Quốc phòng và An ninh.

3.8.4 Giáo dục thể chất

Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

3.8.5 Kỹ năng mềm

Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình Kỹ năng mềm (4 kỹ năng) do Trường Đại học Lạc Hồng cấp.

3.8.6 Điều kiện khác

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ loại trung bình trở lên.
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Không nợ học phí.
- Không nợ tài liệu học tập tại thư viện.

*** Lưu ý:** Các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận, bảng điểm nêu trên phải còn hiệu lực tính đến thời điểm đủ điều kiện xét công nhận tốt nghiệp.

Ngoài ra, sinh viên phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn Quyết định số 03/QĐ-ĐHLH ngày 02/01/2026 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và liên thông đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ cho khóa tuyển sinh 2026.

4. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC MÔN HỌC

4.1. Khối Kiến Thức Giáo Dục Đại Cương

102012 TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

Tên tiếng Anh: General informatics

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học bao gồm 3 phần: những hiểu biết cơ bản về tin học; tin học văn phòng; sử dụng internet và e-mail.

- Phần những hiểu biết cơ bản về tin học trình bày các kiến thức như:

Các khái niệm cơ bản về thiết bị phần cứng, phần mềm.

Các khái niệm về hệ điều hành.

Các thao tác cơ bản sử dụng hệ điều hành Windows.

Quản lý cây thư mục và dữ liệu.

Gõ dấu tiếng Việt trong Windows.

- Phần tin học văn phòng trình bày ba phần mềm thông dụng của hãng Microsoft là MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.

- Phần sử dụng internet và Email trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là WEB và EMAIL nhằm giúp sinh viên tìm kiếm và trao đổi thông tin trên internet.

102027 TOÁN CAO CẤP C

Tên tiếng Anh: Advanced Mathematics C

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Học phần Toán cao cấp C cung cấp cho sinh viên khối ngành kinh tế, quản trị kinh doanh các kiến thức cơ bản về phép tính vi tích phân hàm một biến, phương trình vi phân, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính và các áp dụng của chúng vào kinh tế.

102146 NGOẠI NGỮ 1

Tên tiếng Anh: English 1

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung:

Kiến thức: Môn học Ngoại ngữ 1 cung cấp cơ hội cho người học củng cố và mở rộng kiến thức tiếng Anh từ cấp phổ thông, qua việc học từ vựng, ngữ pháp, và phát âm theo các chủ đề thực tế.

Kỹ năng: Học viên được thực hành và áp dụng kỹ năng nghe, nói, đọc trong các tình huống giao tiếp cụ thể, giúp họ tự tin diễn đạt ý kiến và quan điểm bằng tiếng Anh.

Thái độ: Môn học khuyến khích ý thức tổ chức, trách nhiệm cá nhân và khả năng tự học suốt đời thông qua sử dụng các tài liệu và công cụ học tập phù hợp.

102147 NGOẠI NGỮ 2

Tên tiếng Anh: English 2

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Môn học này cung cấp cho các sinh viên vốn từ vựng cần thiết và các cấu trúc ngữ pháp đơn giản để sử dụng trong các tình huống giao tiếp hằng ngày như: tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về gia đình, đồ vật, hỏi về thời gian, nói về khả năng, phát biểu cảm nghĩ thích hoặc không thích điều gì, thức ăn, diễn đạt những việc đã làm trong quá khứ và chủ động tiếp tục học tập ở cấp độ cao hơn.

102148 NGOẠI NGỮ 3

Tên tiếng Anh: English 3

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Môn học English 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1 và English 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp (Elementary). Qua đó, người học có khả năng luyện tập nghe và nói những bài hội thoại, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên bày tỏ quan điểm, ý kiến và cảm xúc bằng tiếng Anh qua các chủ đề và tình huống thực tế như: sắp xếp một buổi tối ra ngoài giải trí với bạn; nói về một món quà mang đặc trưng của đất nước mình để tặng cho gia đình một người bạn ở nước ngoài; mô tả ngoại hình, quần áo và tính cách; hỏi về hàng hóa và dịch vụ; nói về những dự định và kế hoạch trong tương lai; nói về học hành và sự nghiệp; nói chuyện qua điện thoại về những chủ đề khác nhau; và giúp sinh viên chủ động học tập suốt đời.

102149 NGOẠI NGỮ 4

Tên tiếng Anh: English 4

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học English 4 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, và English 3 đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ tiền trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh cũng như các kỹ năng ngôn ngữ khác như đọc, viết ở mức độ tiền trung cấp về các lĩnh vực/chủ đề:

- + Giải trí và Thể thao
- + Những sự kiện đã xảy ra
- + Làm việc và nghỉ ngơi
- + Những ngày trọng đại
- + Miêu tả ngoại hình
- + Du lịch
- + Sự thành công

Bên cạnh đó sinh viên được trang bị các thì ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, các động từ khiếm khuyết giúp sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp hàng ngày và giúp sinh viên có thể chủ động học tập suốt đời.

102150 NGOẠI NGỮ 5

Tên tiếng Anh: English 5

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: English 5 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, 2, 3 và 4, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ-trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên tự tin sử dụng tiếng Anh để trình bày quan điểm, ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm bản thân thông qua các chủ đề như: miêu tả các đặc điểm địa lý các vùng miền, miêu tả và so sánh đời sống xưa và nay, chăm sóc sức khỏe, những điều tốt đẹp nhất trong cuộc sống, miêu tả vật dụng, miêu tả tính cách con người, nói về tiền bạc, và giúp sinh viên chủ động học tập suốt đời.

102002 GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1

Tên tiếng Anh: Physical Education 1

Số tín chỉ: 0

Tóm tắt nội dung: Sinh viên được chọn 01 trong 03 môn: Bóng Chuyền, Bóng Đá, Bóng Rổ và học xuyên suốt trong toàn bộ chương trình học GDTC. Sau khi học xong môn học, người học sẽ được trang bị một khối lượng kiến thức cơ bản về môn học đã chọn. Tác dụng của việc tập luyện đối với sức khỏe con người. Một số điều luật cơ bản trong thi đấu.

102003 GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2

Tên tiếng Anh: Physical Education 2

Số tín chỉ: 0

Tóm tắt nội dung: Sinh viên tiếp tục theo học môn thể thao đã chọn trong nội dung Giáo dục thể chất 1

102004 GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3

Tên tiếng Anh: Physical Education 3

Số tín chỉ: 0

Tóm tắt nội dung: Sinh viên tiếp tục theo học môn thể thao đã chọn trong nội dung Giáo dục thể chất.

102063 TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN

Tên tiếng Anh: Marxist-Leninist philosophy

Số tín chỉ: 3

Môn Triết học Mác-Lênin dành cho sinh viên đại học khối các ngành không chuyên Lý luận chính trị hướng đến mục tiêu:

Kiến thức: Người học trình bày được những nội dung cơ bản về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; Giai cấp và dân tộc; Nhà nước và cách mạng xã hội; Ý thức xã hội; Triết học về con người.

Kỹ năng: Vận dụng kiến thức về triết học Mác - Lênin vào học tập và làm việc.

Thái độ: Tôn trọng các quy luật khách quan trong quá trình học tập và làm việc.

102064 KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN

Tên tiếng Anh: Marxist-Leninist political economy

Số tín chỉ: 2

Môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin gồm 6 chương, nhằm trang bị cho người học:

Kiến thức: Sinh viên trình bày được những nội dung cơ bản của môn học: Hàng hóa, thị trường, các quy luật của kinh tế thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền, vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay, ...

Kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học về các hiện tượng kinh tế, quy luật cơ bản của nền kinh tế hàng hoá, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vào công việc.

Thái độ: Điều chỉnh hành vi phù hợp với các quy luật khách quan của nền kinh tế.

102065 CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Tên tiếng Anh: Scientific socialism

Số tín chỉ: 2

Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học dành cho sinh viên đại học khối các ngành không chuyên Lý luận chính trị, gồm có 8 chương, trang bị cho người học:

Kiến thức: Sinh viên hiểu được quy luật xuất hiện của hình thái kinh tế - xã hội chủ nghĩa cộng sản, các điều kiện xuất hiện và nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học (sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu giai cấp và liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội).

Kỹ năng: Giải thích được các hiện tượng, quá trình xã hội dựa trên kiến thức của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Thái độ: Có thái độ lạc quan, tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, tôn trọng và thực hiện đúng các quy định pháp luật trong thực hành nghề nghiệp. Xây dựng ý thức trách nhiệm với công việc, góp phần xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

102006 PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Tên tiếng Anh: General Legal

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên không chuyên ngành Luật những kiến thức cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật và kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam; Một số ngành luật cụ thể như: Luật Dân sự và Luật Sở hữu trí tuệ, Luật lao động, Luật Hình sự và Luật Tố tụng hình sự, Luật Hành chính, Luật phòng chống tham nhũng,

Pháp luật Kinh doanh. Từ đó sinh viên có ý thức tuân thủ pháp luật và đóng góp kiến thức pháp lý để giải quyết các vấn đề liên quan đến đời sống và ngành học của mình.

102033 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh' theory

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 7 chương: Chương 1 khái quát về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày cơ sở hình thành, những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh, gồm: Tư tưởng về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản Việt Nam và về Nhà nước; Về đại đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người.

102066 LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VN

Tên tiếng Anh: History of Vietnamese communist party

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm 5 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về mục đích, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu. Từ chương 2 đến chương 4 cung cấp, trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về sự ra đời của Đảng; Quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành chính quyền (1930-1945), kháng chiến chống thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1954); Quá trình Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1975-2018). Chương 5 khẳng định những thành công, nêu lên những hạn chế và tổng kết các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, nâng cao nhận thức, niềm tin của người học đối với đường lối của Đảng và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công việc và đời sống, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

4.2. Khối Kiến Thức Giáo Dục Chuyên Nghiệp

150002 NHẬP MÔN QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

Tên tiếng Anh: Introduction to Industrial Management

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Môn học giới thiệu tổng quan về ngành Quản lý Công nghiệp, vai trò và vị trí của cử nhân QLCN trong doanh nghiệp. Nội dung bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển của ngành; Các lĩnh vực hoạt động chính (Quản lý sản xuất, Chuỗi cung ứng, Chất lượng...); Các kỹ năng cần thiết và lộ trình phát triển nghề nghiệp. Sinh viên được tham quan thực tế tại doanh nghiệp.

102038 LÝ THUYẾT XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ

Tên tiếng Anh: Probability Theory and Statistics

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Môn học cung cấp kiến thức nền tảng về xác suất và thống kê toán. Nội dung bao gồm: Biến cố và xác suất của biến cố; Các quy luật phân phối xác suất thông dụng (Nhị thức, Poisson, Chuẩn...); Lý thuyết mẫu; Ước lượng tham số; Kiểm định giả thuyết thống kê; Tương quan và hồi quy tuyến tính đơn. Giúp sinh viên biến dữ liệu thô từ môi trường công nghiệp thành thông tin trực quan dễ hiểu, hỗ trợ quản lý hiệu quả, giảm lãng phí và nâng cao năng suất.

150020 CAD CHO THIẾT KẾ HỆ THỐNG SẢN XUẤT & LAYOUT

Tên tiếng Anh: CAD for Industrial Facility Planning and Layout

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học giúp người học tập trung vào việc sử dụng phần mềm CAD (Computer-Aided Design) để thiết kế, mô phỏng và tối ưu hóa hệ thống sản xuất (production systems) và bố trí nhà máy/layout (facility layout/plants layout). Mục tiêu là giúp sinh viên áp dụng công nghệ CAD để lập kế hoạch không gian sản xuất hiệu quả, giảm chi phí và tăng năng suất trong môi trường công nghiệp (Industry 4.0). Sinh viên có khả năng sử dụng CAD để thiết kế layout sản xuất tối ưu, hỗ trợ ra quyết định trong quản lý công nghiệp, giảm lãng phí và nâng cao hiệu quả hệ thống.

150021 NGUYÊN LÝ HỆ THỐNG ĐIỆN – TỰ ĐỘNG CHO NHÀ QUẢN LÝ

Tên tiếng Anh: Principles of Electrical and Automation Systems for Managers

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống điện và tự động hóa dành riêng cho nhà quản lý công nghiệp, giúp họ hiểu, giám sát, ra quyết định và quản lý hiệu quả các hệ thống kỹ thuật trong nhà máy, dây chuyền sản xuất mà không cần đi sâu vào thiết kế kỹ thuật phức tạp. Nội dung tập trung vào ứng dụng thực tiễn trong môi trường công nghiệp (Industry 4.0), an toàn và tối ưu hóa chi phí. Giúp nhà quản lý tương lai hiểu ngôn ngữ kỹ thuật của kỹ sư điện-tự động, đưa ra quyết định đúng đắn về đầu tư, vận hành và cải tiến hệ thống, đảm bảo an toàn, hiệu quả và giảm chi phí trong môi trường sản xuất công nghiệp.

150003 QUẢN LÝ VÀ TỐI ƯU HÓA QUY TRÌNH

Tên tiếng Anh: Process Management and Optimization

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học này tập trung vào việc quản lý, phân tích và tối ưu hóa các quy trình trong doanh nghiệp, đặc biệt trong môi trường sản xuất và dịch vụ công nghiệp. Mục tiêu là giúp sinh viên áp dụng các phương pháp khoa học để cải thiện hiệu quả, giảm lãng phí, tăng năng suất và hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu (liên kết với Lean, Six Sigma và Industry 4.0). Sinh viên có khả năng phân tích, thiết kế lại và tối ưu hóa quy trình để

nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, giảm chi phí và tăng khả năng cạnh tranh trong môi trường công nghiệp

130131 KINH TẾ HỌC

Tên tiếng Anh: Economics

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học trang bị những kiến thức nền tảng về quản trị tổ chức. Nội dung bao gồm: Tổng quan về quản trị và nhà quản trị; Môi trường quản trị; Các chức năng cơ bản của quản trị: Hoạch định (Lập kế hoạch chiến lược và tác nghiệp), Tổ chức (Thiết kế cơ cấu tổ chức, phân quyền), Lãnh đạo (Động viên, giao tiếp, làm việc nhóm), Kiểm soát (Các phương pháp và công cụ kiểm soát).

150024 PHÂN TÍCH DỮ LIỆU KINH DOANH

Tên tiếng Anh: Business Data Analytics

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Môn học này tập trung vào việc sử dụng dữ liệu để phân tích và hỗ trợ ra quyết định kinh doanh, giúp sinh viên biến dữ liệu thô thành thông tin hữu ích nhằm cải thiện hiệu suất doanh nghiệp, dự báo xu hướng và tối ưu hóa hoạt động. Nội dung kết hợp giữa thống kê, công nghệ thông tin và ứng dụng kinh doanh thực tiễn (liên kết với Business Intelligence - BI và Big Data). Sinh viên có khả năng thu thập, phân tích và diễn giải dữ liệu kinh doanh để hỗ trợ ra quyết định chiến lược, nâng cao lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp trong môi trường số hóa.

130134 QUẢN TRỊ HỌC

Tên tiếng Anh: Management

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học trang bị những kiến thức nền tảng về quản trị tổ chức. Nội dung bao gồm: Tổng quan về quản trị và nhà quản trị; Môi trường quản trị; Các chức năng cơ bản của quản trị: Hoạch định (Lập kế hoạch chiến lược và tác nghiệp), Tổ chức (Thiết kế cơ cấu tổ chức, phân quyền), Lãnh đạo (Động viên, giao tiếp, làm việc nhóm), Kiểm soát (Các phương pháp và công cụ kiểm soát).

130133 NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Tên tiếng Anh: Principles of Accounting

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học cung cấp những kiến thức nền tảng về kế toán trong doanh nghiệp. Nội dung bao gồm: Bản chất và vai trò của kế toán; Các báo cáo tài chính cơ bản (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh); Phương pháp chứng từ, tài

khoản và ghi sổ kép; Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu (Mua hàng, Sản xuất, Bán hàng); Kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm.

150004 QUẢN LÝ SẢN XUẤT

Tên tiếng Anh: Production Management

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học cung cấp kiến thức cốt lõi về quản trị tác nghiệp trong doanh nghiệp sản xuất. Nội dung bao gồm: Chiến lược sản xuất; Dự báo nhu cầu; Hoạch định tổng hợp (Aggregate Planning); Lịch trình sản xuất chính (MPS); Hoạch định nhu cầu vật tư (MRP); Quản lý năng lực sản xuất; Điều độ sản xuất (Scheduling) và Kiểm soát hệ thống sản xuất.

150005 KỸ THUẬT DỰ BÁO TRONG CÔNG NGHIỆP

Tên tiếng Anh: Industrial Forecasting Techniques

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học trang bị các phương pháp định lượng để dự báo nhu cầu trong công nghiệp. Nội dung bao gồm: Tổng quan về dự báo; Các mô hình chuỗi thời gian (Trung bình trượt, San bằng mũ); Phân tích xu hướng và tính mùa vụ; Các mô hình dự báo nhân quả (Hồi quy); Đánh giá độ chính xác của dự báo và lựa chọn phương pháp phù hợp.

150006 TỐI ƯU HÓA VẬN HÀNH

Tên tiếng Anh: Operations Research

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học giới thiệu các mô hình toán học và thuật toán để hỗ trợ ra quyết định tối ưu. Nội dung bao gồm: Quy hoạch tuyến tính (Bài toán sản xuất, Bài toán vận tải); Phương pháp đơn hình; Lý thuyết mạng (Bài toán đường đi ngắn nhất, Luồng cực đại); Mô hình quản lý dự án (PERT/CPM); Lý thuyết hàng chờ. Ứng dụng phần mềm (như Excel Solver) để giải các bài toán.

150026 QUẢN TRỊ SẢN XUẤT SỐ

Tên tiếng Anh: Digital Production Management

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Học phần này cung cấp cho sinh viên nền tảng về tổ chức, vận hành và cải tiến hệ thống sản xuất trong bối cảnh chuyển đổi số. Nội dung học phần tập trung vào tư duy sản xuất số, hạ tầng dữ liệu và tích hợp hệ thống, các công cụ hoạch định - điều độ - kiểm soát bằng nền tảng ERP/MES/APS, quản trị tồn kho và chất lượng theo thời gian thực, bảo trì dự báo, lean số, digital twin, phân tích dữ liệu và lộ trình chuyển đổi số trong doanh nghiệp công nghiệp. Học phần được thiết kế theo định hướng ứng dụng, gắn với yêu cầu nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng truy xuất và hiệu quả ra quyết định vận hành.

150008 HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP

Tên tiếng Anh: Enterprise Resource Planning (ERP)

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về hệ thống ERP và vai trò của nó trong việc tích hợp các quy trình kinh doanh. Nội dung bao gồm: Cấu trúc và chức năng của các phân hệ chính trong ERP (Quản lý bán hàng, Mua hàng, Kho, Sản xuất, Kế toán tài chính); Quy trình triển khai ERP. Sinh viên được thực hành trên một phần mềm ERP cụ thể (ví dụ: Odoo, SAP Business One) để hiểu dòng chảy thông tin trong doanh nghiệp.

150010 MÔ PHỎNG HỆ THỐNG

Tên tiếng Anh: System Simulation

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học giới thiệu phương pháp mô phỏng sự kiện rời rạc để nghiên cứu và đánh giá hiệu năng của các hệ thống sản xuất và dịch vụ. Nội dung bao gồm: Các khái niệm cơ bản về mô phỏng; Quy trình xây dựng mô hình mô phỏng; Thu thập và phân tích dữ liệu đầu vào; Xây dựng mô hình trên phần mềm chuyên dụng (ví dụ: Arena, Flexsim); Phân tích kết quả mô phỏng và so sánh các kịch bản cải tiến.

150011 TỰ ĐỘNG HÓA QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ INTERNET VẠN VẬT CÔNG NGHIỆP (IIoT)

Tên tiếng Anh: Automation and Industrial Internet of Things (IIoT)

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học giới thiệu về tự động hóa công nghiệp và ứng dụng IoT trong sản xuất thông minh. Nội dung bao gồm: Các thành phần cơ bản của hệ thống tự động hóa (Cảm biến, Cơ cấu chấp hành, PLC); Tổng quan về Công nghiệp 4.0 và IIoT; Kiến trúc hệ thống IIoT; Thu thập và truyền dữ liệu từ thiết bị (M2M); Ứng dụng IIoT trong giám sát, điều khiển và bảo trì dự báo.

150022 HỆ THỐNG SẢN XUẤT THÔNG MINH

Tên tiếng Anh: Intelligent Manufacturing Systems

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Môn học này tập trung vào việc nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ Industry 4.0 để xây dựng hệ thống sản xuất thông minh (smart/intelligent manufacturing), giúp doanh nghiệp đạt được sản xuất linh hoạt, hiệu quả cao, tự động hóa thông minh và tích hợp dữ liệu thời gian thực. Mục tiêu là giúp sinh viên hiểu cách chuyển đổi nhà máy truyền thống thành nhà máy thông minh (smart factory).

Sinh viên nắm được cách thiết kế, triển khai và quản lý hệ thống sản xuất thông minh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong kỷ nguyên công nghiệp 4.0.

116110 BẢO TRÌ CÔNG NGHIỆP

Tên tiếng Anh: Industrial Maintenance

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Môn học này tập trung vào nguyên lý, chiến lược và kỹ thuật bảo trì thiết bị, máy móc trong môi trường công nghiệp nhằm đảm bảo độ tin cậy cao, giảm thời gian ngừng máy, tối ưu chi phí và nâng cao năng suất sản xuất. Nội dung kết hợp giữa lý thuyết bảo trì truyền thống và các phương pháp hiện đại (liên kết với Industry 4.0 như bảo trì dự báo).

Sinh viên nắm được cách xây dựng và triển khai hệ thống bảo trì hiệu quả, giảm thiểu ngừng máy không kế hoạch, kéo dài tuổi thọ thiết bị và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất công nghiệp.

199021 LOGISTICS IN THE SUPPLY CHAIN

Tên tiếng Anh: Logistics in the Supply Chain

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học này tập trung vào việc ứng dụng công nghệ số (Industry 4.0) để chuyển đổi và tối ưu hóa chuỗi cung ứng và hệ thống logistics, nhằm đạt được sự linh hoạt, minh bạch, hiệu quả và khả năng phản ứng nhanh với biến động thị trường. Nội dung kết hợp giữa lý thuyết quản lý chuỗi cung ứng truyền thống và các công nghệ hiện đại như IoT, AI, blockchain, big data.

Sinh viên hiểu cách xây dựng và quản lý chuỗi cung ứng số hóa, áp dụng công nghệ để tăng tính minh bạch, giảm chi phí, nâng cao độ tin cậy và khả năng cạnh tranh trong môi trường kinh doanh hiện đại.

150013 SẢN XUẤT SẠCH & AN TOÀN CÔNG NGHIỆP

Tên tiếng Anh: Cleaner Production and Industrial Safety

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Môn học này tập trung vào việc xây dựng hệ thống sản xuất bền vững, giảm thiểu tác động môi trường đồng thời đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động trong môi trường công nghiệp. Nội dung kết hợp giữa kỹ thuật sản xuất sạch (theo hướng dẫn của UNEP/UNIDO) và quản lý an toàn lao động (theo tiêu chuẩn ISO 14001, ISO 45001 và quy định Việt Nam).

Sinh viên có khả năng thiết kế và quản lý quy trình sản xuất vừa hiệu quả kinh tế, thân thiện với môi trường vừa đảm bảo an toàn tuyệt đối cho con người và cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong công nghiệp.

150014 SẢN XUẤT TINH GỌN

Tên tiếng Anh: Lean Manufacturing and Six Sigma

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học này tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý và công cụ của Lean Manufacturing (Sản xuất tinh gọn) và Six Sigma để loại bỏ lãng phí, cải tiến quy trình, nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ và tăng năng suất trong môi trường sản xuất và kinh doanh. Nội dung thường tích hợp cả hai phương pháp thành Lean Six Sigma – một cách tiếp cận toàn diện để đạt hiệu quả cao nhất.

Sinh viên nắm vững cách triển khai Lean Six Sigma để dẫn dắt các dự án cải tiến quy trình, giảm chi phí, nâng cao chất lượng và tạo giá trị bền vững cho doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh cao.

150015 THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Tên tiếng Anh: Product Design and Development

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Môn học trang bị kiến thức hệ thống về quy trình phát triển sản phẩm mới từ khâu ý tưởng đến thương mại hóa. Nội dung trọng tâm bao gồm: xác định nhu cầu khách hàng, phát triển và lựa chọn ý tưởng (Concept), thiết kế chi tiết, chế tạo mẫu thử (Prototyping) và phân tích kinh tế dự án. Đặc biệt, môn học nhấn mạnh vào phương pháp Thiết kế cho Sản xuất và Lắp ráp (DFM/DFA) và tư duy làm việc nhóm đa chức năng để tối ưu hóa chi phí và thời gian đưa sản phẩm ra thị trường.

150016 ĐỒ ÁN MÔN HỌC QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

Tên tiếng Anh: Course Project in Industrial Management

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Môn Đồ án môn học QLCN là môn thực hành tổng hợp, yêu cầu sinh viên áp dụng toàn bộ kiến thức đã học trong chương trình Quản lý Công nghiệp để giải quyết một vấn đề thực tế tại doanh nghiệp sản xuất hoặc dịch vụ công nghiệp. Môn này thường được thực hiện theo nhóm (3-5 sinh viên), có sự hướng dẫn của giảng viên và đôi khi có doanh nghiệp đồng hành. Sinh viên sẽ có các khả năng sau:

Tổng hợp và áp dụng kiến thức chuyên ngành Quản lý Công nghiệp vào thực tế. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, khảo sát doanh nghiệp, phân tích vấn đề, đề xuất giải pháp và trình bày chuyên nghiệp. Chuẩn bị cho sinh viên các định hướng làm việc trong môi trường công nghiệp thực tế hoặc làm đồ án tốt nghiệp.

150023 QUẢN TRỊ MUA HÀNG

Tên tiếng Anh: Principle of Purchasing

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Học phần Quản trị Mua hàng trang bị cho sinh viên nền tảng lý luận và năng lực thực hành nhằm phân tích, tổ chức và điều hành hoạt động mua sắm trong doanh nghiệp công nghiệp, sản xuất và dịch vụ theo định hướng chiến lược và bền vững. Nội

dung học phần tập trung làm rõ vai trò của mua hàng trong chuỗi cung ứng, quy trình mua sắm, phân tích thị trường cung ứng, lựa chọn và phát triển nhà cung cấp, đàm phán – ký kết hợp đồng, quản lý chi phí và rủi ro trong mua hàng.

199032 QUALITY MANAGEMENT

Tên tiếng Anh: Quality Management

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học cung cấp kiến thức toàn diện về quản trị chất lượng. Nội dung bao gồm: Các khái niệm và nguyên tắc cơ bản về chất lượng; Các hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9000, TQM); Chi phí chất lượng; Các công cụ thống kê kiểm soát chất lượng (7 QC Tools, SPC); Đánh giá chất lượng và giải thưởng chất lượng.

199020 STRATEGIC PROCUREMENT

Tên tiếng Anh: Strategic Procurement

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Học phần này trang bị cho sinh viên nền tảng chiến lược và công cụ thực tiễn trong quản trị mua hàng và cung ứng (PSM), giúp sinh viên hiểu rõ nguyên lý, triết lý và phương pháp quản lý hoạt động mua sắm trong nội bộ tổ chức và trong phối hợp với các đối tác chuỗi cung ứng. Sinh viên được phát triển tư duy hệ thống nhằm tránh tối ưu cục bộ và hướng đến tối ưu toàn chuỗi. Học phần cũng nhấn mạnh vai trò của quản trị quan hệ với nhà cung cấp như một yếu tố then chốt tạo giá trị bền vững và nâng cao lợi thế cạnh tranh. Nội dung bao gồm quy trình mua hàng, mô hình mua hàng tập trung và phân quyền, đánh giá hiệu quả mua sắm và nhà cung cấp, xây dựng chiến lược theo danh mục, phân tích make-or-buy, thuê ngoài (outsourcing, offshoring), đánh giá – lựa chọn – quản trị nhà cung cấp và quản trị rủi ro trong chuỗi cung ứng.

199022 PROJECT MANAGEMENT

Tên tiếng Anh: Project Management

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học trang bị kiến thức và kỹ năng để quản lý hiệu quả các dự án. Nội dung bao gồm: Chu trình vòng đời dự án; Lập kế hoạch dự án (Phạm vi, Thời gian - WBS, Gantt Chart, Pert/CPM, Chi phí, Nguồn lực); Tổ chức và lãnh đạo đội ngũ dự án; Giám sát và kiểm soát thực hiện dự án; Quản lý rủi ro dự án. Sử dụng phần mềm quản lý dự án (ví dụ: MS Project).

150017 TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI

Tên tiếng Anh: Business English

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học này là môn tiếng Anh chuyên ngành, nhằm giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh thành thạo trong môi trường làm việc chuyên nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý công nghiệp, kỹ thuật và kinh doanh quốc tế. Môn này nhấn mạnh vào giao tiếp thực tế tại nơi làm việc, kỹ năng mềm và chuẩn bị sự nghiệp, thay vì chỉ ngữ pháp hay từ vựng cơ bản như các môn Ngoại ngữ trước.

Sinh viên đạt trình độ tiếng Anh chuyên nghiệp (B2 theo khung CEFR), tự tin giao tiếp, viết lách và thuyết trình trong môi trường làm việc quốc tế, sẵn sàng ứng tuyển vị trí tại các công ty đa quốc gia, doanh nghiệp FDI hoặc startup công nghệ trong lĩnh vực quản lý công nghiệp.

199019 OPERATIONS AND SUPPLY MANAGEMENT

Tên tiếng Anh: Operations and Supply Management

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp nền tảng vững chắc và cái nhìn sâu sắc về các khía cạnh trong quản trị vận hành và chuỗi cung ứng. Sinh viên sẽ được tiếp cận với các vấn đề, thách thức và công cụ ra quyết định trong việc quản lý hiệu quả dòng chảy vật tư và thông tin. Nội dung môn học trang bị kiến thức về các vấn đề, thách thức và công cụ ra quyết định trong quản lý luồng vật tư và thông tin; khai thác mối quan hệ giữa sản xuất/vận hành, mua hàng và logistics; làm rõ cách ba lĩnh vực này liên kết với nhau và với các lĩnh vực quản lý khác; hướng tới giúp sinh viên hiểu và vận dụng các giải pháp nhằm tối ưu hiệu quả và hiệu suất trong quản lý chuỗi cung ứng.

199031 STRATEGIC ENTERPRISE INNOVATION

Tên tiếng Anh: Strategic Enterprise Innovation

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học này tập trung vào việc xây dựng và triển khai chiến lược đổi mới sáng tạo (innovation strategy) trong doanh nghiệp nhằm tạo lợi thế cạnh tranh lâu dài, thích ứng với thay đổi công nghệ, thị trường và môi trường kinh doanh toàn cầu (liên kết với Industry 4.0, chuyển đổi số và kinh tế sáng tạo). Mục tiêu là giúp sinh viên hiểu cách lãnh đạo doanh nghiệp biến ý tưởng sáng tạo thành giá trị kinh doanh thực tế.

Sinh viên có khả năng tư duy chiến lược về đổi mới, lãnh đạo dự án sáng tạo và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi để tăng trưởng bền vững trong môi trường cạnh tranh cao.

4.3. Khối Kiến Thức Tốt Nghiệp

150030 HỌC KỲ THỰC TẬP

Tên tiếng Anh: Internship

Số tín chỉ: 4

Tóm tắt nội dung: Học phần là một khâu quan trọng của quá trình đào tạo nhằm kiểm tra tất cả các khối kiến thức trong chương trình đào tạo khoa Cơ điện – Điện tử; củng cố và

nâng cao kiến thức đã trang bị trong thời gian học tập tại trường. Bước đầu vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề thực tế trong quá trình sản xuất và cuộc sống xã hội yêu cầu; Thực tập các kỹ năng của một cử nhân, xây dựng tác phong và phương pháp làm việc của người cử nhân trong hoạt động nghề nghiệp; Rèn luyện khả năng, phân tích, tổng hợp, đề xuất và giải quyết vấn đề cùng với các kỹ năng mềm.

150038 KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tên tiếng Anh: Graduation project

Số tín chỉ: 10

Tóm tắt nội dung: Tất cả Sinh viên của ngành Quản lý Công nghiệp bắt buộc phải làm đồ án tốt nghiệp ở học kỳ 7 vào tháng 6 hàng năm. Học phần là cơ hội để sinh viên vận dụng tổng hợp các kiến thức (Quản trị sản xuất, Chuỗi cung ứng, Chất lượng, Cải tiến quy trình...) và kỹ năng đã học để giải quyết trọn vẹn một vấn đề thực tế của doanh nghiệp hoặc một vấn đề nghiên cứu khoa học. Sinh viên sẽ thực hiện dự án dưới sự hướng dẫn của giảng viên, hoàn thành cuốn báo cáo khoa học và bảo vệ đồ án trước Hội đồng chấm tốt nghiệp.

Đồ án tốt nghiệp đòi hỏi Sinh viên có những kiến thức sau:

- 1) Tổng hợp và phân tích được hiện trạng hoạt động của hệ thống sản xuất/dịch vụ tại doanh nghiệp thực tế.
- 2) Nhận diện vấn đề, lựa chọn phương pháp nghiên cứu và áp dụng các công cụ chuyên ngành (Lean, Six Sigma, Simulation, ERP...) để giải quyết vấn đề.
- 3) Thiết kế giải pháp cải tiến khả thi, đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và tác động xã hội của giải pháp.
- 4) Viết báo cáo khoa học đúng văn phong học thuật và bảo vệ/biện luận đồ án thành công trước Hội đồng chuyên môn.
- 5) Thể hiện sự trung thực học thuật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với cộng đồng trong quá trình thực hiện đồ án.

Cụ thể, chú trọng đến:

- 1) Kỹ năng phân tích được cấu trúc, dòng vật chất và nguyên lý hoạt động của các hệ thống sản xuất và chuỗi cung ứng.
- 2) Kỹ năng nhận diện và phát hiện các vấn đề, lãng phí (waste) trong các quy trình thực tế.
- 3) Kỹ năng sử dụng các công cụ quản lý chất lượng để phân tích và xác định nguyên nhân gốc rễ của các vấn đề trong hệ thống.
- 4) Đề xuất được các giải pháp cải tiến khả thi nhằm tối ưu hóa quy trình và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống.
- 5) Kỹ năng biên soạn văn bản và trình bày vấn đề chuyên môn mạch lạc, thuyết phục bằng Tiếng Việt.

6) Kỹ năng sử dụng Tiếng Anh giao tiếp và Tiếng Anh chuyên ngành hiệu quả trong công việc.

Yêu cầu sinh viên phải có kế hoạch thực hiện đề tài và báo cáo kết quả thực hiện cho giáo viên hướng dẫn định kỳ 2 tuần 1 lần theo biểu mẫu đã quy định.

Đồ án tốt nghiệp có 1 đến 2 Sinh viên thực hiện theo quy định nhà trường, trong những trường hợp đề tài lớn cần nhiều hơn 2 Sinh viên thì giáo viên hướng dẫn phải làm tờ trình với Bộ Môn.

5. KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

5.1 Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo theo yêu cầu của kế hoạch đào tạo và tương xứng với mức thu học phí.

Trong thời kỳ hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo cho các điều kiện nâng cao chất lượng là một yêu cầu cao mà nhà trường phải đặc biệt quan tâm. Nhà trường tiếp tục có kế hoạch đề xuất với Hội đồng trường sử dụng nguồn kinh phí từ vốn điều lệ, từ khoản lợi nhuận hàng năm (ít nhất 25%) để tăng cường thêm cơ sở vật chất, các phương tiện phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên. Cụ thể gồm:

- Từng bước nâng cấp về cơ sở vật chất và điều chỉnh, đổi mới phương thức hoạt động của thư viện trường để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, tự đào tạo, tự bồi dưỡng của giảng viên; phục vụ nhu cầu học tập của sinh viên, học viên.

- Việc đầu tư sửa chữa các cơ sở của trường phải theo hướng hiện đại đạt chuẩn quốc gia đáp ứng được yêu cầu, chất lượng đào tạo trong thời kỳ hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Không những thế, Nhà trường đang đầu tư xây dựng cơ sở mới trên khu đất 2 ha, khu phố 4, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Công trình được trường đại học bang Arizona (Mỹ) tư vấn xây dựng đầy đủ các tiện ích đáp ứng việc xây dựng một môi trường học tập hiện đại đạt chuẩn quốc tế.

- Bên cạnh đó, nhà trường cũng quan tâm đến việc đầu tư xây dựng các cơ sở phục vụ việc rèn luyện thân thể cho sinh viên như Trung tâm giáo dục thể chất, phòng GYM Lạc Hồng và các câu lạc bộ thể thao khác.

5.2 Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo tổ chức hội nghị, hội thảo và nghiên cứu khoa học.

Căn cứ vào quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; nhà trường tiếp tục mở rộng và ký kết các chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học uy tín của nước ngoài; tổ chức trao đổi học thuật cho giảng viên, sinh viên của Trường Đại học Lạc Hồng với các trường đại học trong khu vực Đông Nam Á và Châu Á; tham gia các hoạt động trong khuôn khổ Dự án BUILD - IT, EMVITET.

Tiếp tục mở rộng và ký kết các chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học uy tín của nước ngoài trên cơ sở được sự đồng ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo; cụ thể là:

- Tiếp tục ký thỏa thuận hợp tác quốc tế với các đại học, học viện đã liên kết trong giai đoạn 2013-2015; đặc biệt sẽ liên kết sâu hơn với: Học viện quốc tế IPC (New Zealand), Trường Đại học Kamei (Nhật Bản), Trường Đại học Khoa học ứng dụng Cao Hùng (Đài Loan), Trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Nam Đài Loan (Đài Loan), Trường Đại học Cheng Shiu (Đài Loan), Trường Đại học quốc gia Jeju (Hàn Quốc) và Trường Đại học Nữ Kwangju (Hàn Quốc).

- Tiếp tục mời giảng viên nước ngoài đến trường để hướng dẫn phương pháp viết bài báo nghiên cứu khoa học cho giảng viên và sinh viên của trường.

- Tích cực tham gia các hoạt động trong khuôn khổ Dự án BUILD-IT do Trường Đại học Bang Arizona (Arizona State University- ASU) thực hiện với sự tài trợ của Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và sự hợp tác của các đối tác chiến lược từ nhiều lĩnh vực công nghệ như Intel, Siemens, National Instruments, Microsoft, Oracle, Pearson,... và các đối tác giáo dục như Trường Đại học Bang Portland (Portland State University-PSU), Trường Đại học Catholic của Hoa Kỳ (Catholic University of America- CUA) nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và chất lượng đào tạo trong lĩnh vực khoa học công nghệ để đổi mới chương trình đào tạo thực nghiệm và ứng dụng; tạo mô hình học tập và không gian sáng tạo; đào tạo và phát triển giảng viên STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học), không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục cấp chương trình và cấp cơ sở giáo dục. Đặc biệt là, nhà trường đề cử giảng viên STEM tham gia vào hội thảo đào tạo trong nước do BUILD-IT tổ chức từ năm 2016 và tổng cộng có 130 giảng viên STEM tham gia đào tạo trong nước cho đến năm 2019 để hai chương trình đào tạo: Kỹ thuật - điện tử và Công nghệ thông tin đạt được chứng nhận chất lượng của AUN và ABET lần lượt vào năm 2019 và năm 2023.

- Tổ chức trao đổi học thuật cho giảng viên, sinh viên của Trường Đại học Lạc Hồng với các trường đại học trong khu vực Đông Nam Á; đặc biệt là cho sinh viên các ngành được kiểm định theo Bộ tiêu chuẩn AUN, tối thiểu 1 đợt cho mỗi đối tượng.

- Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật mỗi năm (những thay đổi như cập nhật chính sách tuyển sinh, tài liệu giảng dạy học tập, cải tiến công tác giảng dạy và đánh giá) và rà soát 02 năm một lần (chủ yếu xem xét điều chỉnh thay đổi, thêm hoặc bỏ các học phần, xem xét điều chỉnh chuẩn đầu ra) dựa vào các khảo sát từ các bên liên quan (giảng viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp và Ban cố vấn từ doanh nghiệp) để chương trình đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Không những thế, kết quả học tập chi tiết của sinh viên được thu thập sau mỗi học kỳ dùng để đo lường mức độ đạt được các chuẩn đầu ra, hoạt động này diễn ra thường xuyên là cơ sở cho các kế hoạch cải tiến liên tục của chương trình.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chương trình học bổng cho sinh viên nước ngoài đến học tập tại Việt Nam. Trước mắt, đảm bảo thực hiện thật tốt chương trình học bổng truyền

thống của tỉnh dành cho sinh viên Lào và Campuchia sang học tập tại trường. Mở rộng trao đổi học bổng với các trường đại học trong khu vực Châu Á để tạo điều kiện cho sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng đến học tập tại các trường đó và tiếp nhận các sinh viên của các trường, của các nước, vùng lãnh thổ đó đến học tập tại Trường Đại học Lạc Hồng.

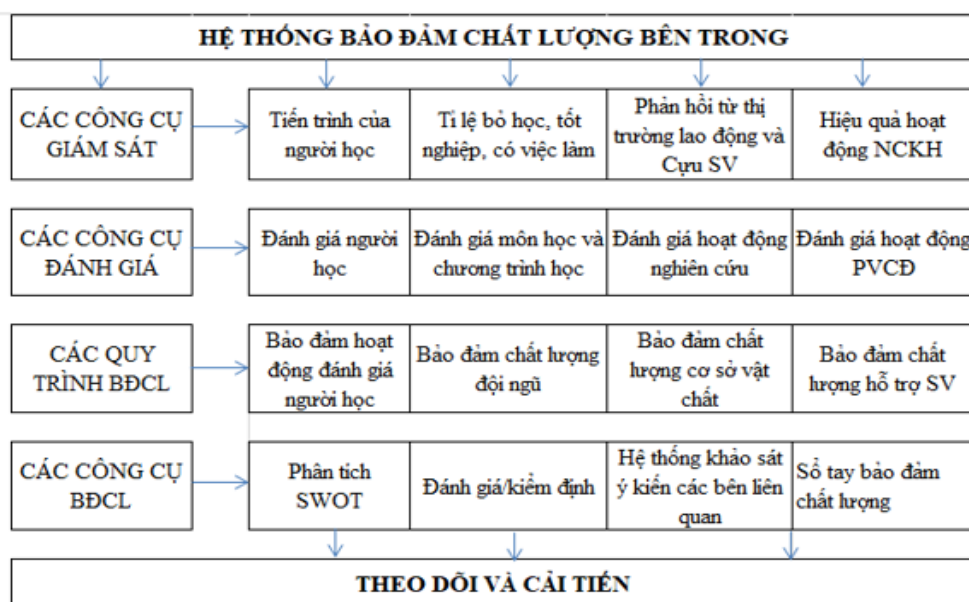
- Cần lưu ý trong quá trình hợp tác quốc tế, nhà trường phải chủ động tiến tới công nhận tín chỉ, liên thông chương trình, đồng cấp bằng với các trường đại học được kiểm định của nước ngoài.

- Thực hiện tốt dự án EMVITET do Trường Đại học Hămk (Phần Lan) chủ trì và dự án điều phối viên công nghiệp của Tổ chức JICA (Nhật Bản).

- Tiếp tục thực hiện các chương trình sinh viên thực tập có lương tại nước ngoài (Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, ...)

- Kế hoạch đảm bảo chất lượng (ĐBCL) đào tạo được thực hiện đúng quy trình của Trường Đại học Lạc Hồng xây dựng dựa trên hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường và mô hình bảo đảm chất lượng bên trong theo AUN-QA, đồng thời đối sánh với các trường đại học trong nước. Theo đó, mô hình ĐBCL bên trong bao gồm các công cụ giám sát, các công cụ đánh giá, các quy trình đảm bảo chất lượng và các công cụ đảm bảo chất lượng. Việc đảm bảo chất lượng được thực hiện đối với người học, đội ngũ, cơ sở vật chất, sự hỗ trợ sinh viên, được trình bày chi tiết như hình sau:

Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong của Đại học Lạc Hồng



Nguồn: <https://dambaocatluong.lhu.edu.vn>

5.3 Kế hoạch hợp tác đào tạo với đơn vị tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp.

Tiếp tục phát huy kết quả kết nối với doanh nghiệp mà nhà trường đã đạt được trong thời gian qua, trong phát triển chương trình đào tạo, trong giảng dạy, đảm bảo nơi tham quan kiến tập, thực tập và tạo điều kiện cho sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Bộ phận Quan hệ doanh nghiệp và Hỗ trợ sinh viên chủ động phối hợp với các khoa lên kế hoạch mời lãnh đạo các công ty, xí nghiệp, quý anh chị cựu sinh viên thành đạt đang làm việc tại các doanh nghiệp tham gia giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm, giao lưu với sinh viên của trường, đồng thời tích cực làm cầu nối tìm việc làm thêm cho sinh viên, tìm nguồn tài trợ cho sinh viên.

- Các khoa có kế hoạch chủ động tổ chức ngày hội việc làm tại trường vào dịp sinh viên kết thúc khóa học, sinh viên nhận bằng tốt nghiệp. Đồng thời, tham mưu để nhà trường phối hợp với doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp cho sinh viên ở tất cả các khoa.

- Nhà trường đã thành lập được Hội đồng tư vấn doanh nghiệp cấp trường; đã có tổ chức họp để tư vấn cho trường. Nhà trường luôn chủ động tổ chức để Hội đồng họp được ít nhất 2 lần/năm học để tư vấn, góp ý cho trường, đã thành lập và đi vào hoạt động được Hội đồng tư vấn doanh nghiệp tại 04 khoa: Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Cơ điện - Điện tử, Khoa Tài chính - Kế toán và Khoa Quản trị-Kinh tế quốc tế.

6. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

6.1. Đề nghị của cơ sở đào tạo

Từ nhu cầu khách quan của thực tiễn xã hội, cùng với điều kiện cơ sở vật chất cũng như đội ngũ cán bộ giảng viên của trường, đồng thời nhằm khai thác có hiệu quả các nguồn lực đã và đang đầu tư để đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực phát triển đầy tiềm năng của tỉnh Đồng Nai nói riêng cũng như khu vực Đông Nam Bộ nói chung. Kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo quan tâm, chấp thuận cho Trường được tuyển sinh và đào tạo ngành Quản lý công nghiệp từ năm học 2026 - 2027.

6.2. Cam kết thực hiện

Trường Đại học Lạc Hồng đã được Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục - Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, ĐHQG – HCM cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp cơ sở giáo dục lần 2 theo Quyết định số 140/QĐ-TTKĐ, ngày 22 tháng 9 năm 2023. Ngoài ra, trong các năm 2019-2024 trường đã chính thức được công nhận đạt chuẩn kiểm định AUN-QA lên 14 chương trình hệ đại học chính quy: Công nghệ thông tin (Khoa Công nghệ thông tin), Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử (Khoa Cơ điện - Điện tử), Quản trị kinh doanh (Khoa Quản trị - Kinh tế quốc tế), Dược (Khoa Dược), Kế toán (Khoa Tài chính - Kế toán), Ngôn ngữ Anh (Khoa Ngôn ngữ Anh), Tài chính - Ngân hàng (Khoa Tài chính - Kế toán); Đông phương học chuyên ngành Nhật Bản học (Khoa Đông phương học), Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng (Khoa Kỹ thuật Công trình), Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (Khoa Cơ điện - Điện tử), Công nghệ kỹ thuật ô tô (Khoa Cơ điện - Điện tử), Công nghệ thực phẩm Khoa (Khoa học và Công nghệ thực phẩm), Quản trị du lịch và lữ hành (Khoa Quản trị - Kinh tế quốc tế), và Ngôn ngữ Trung (Khoa Đông phương học).

Nhà trường cam kết không vi phạm các quy định hiện hành về điều kiện mở ngành đào tạo, tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo các ngành đang đào tạo và các quy định liên quan đến giáo dục đại học từ khi thành lập trường đến nay.

Trường sẽ tiếp tục phát triển đội ngũ giảng viên; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu, giáo trình, đáp ứng tốt nhất cho việc dạy và học nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo ngành học này.

Tất cả các nội dung của đề án đăng ký mở ngành Quản lý công nghiệp trình độ đại học được đăng lên website của Trường Đại học Lạc Hồng tại địa chỉ: <https://lhu.edu.vn> ngay sau khi được chấp thuận.

Ngoài ra, Nhà trường cam kết và khẳng định nội dung trên website luôn cập nhật thường xuyên, công khai các thông tin như: cam kết chất lượng giáo dục và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục; danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng, sinh viên trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng hàng năm theo các khóa học, ngành học; tỷ lệ việc làm của sinh viên sau 01 năm tốt nghiệp; mức thu học phí; chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của tất cả các ngành tại Trường./.

PHỤ LỤC

i) Bảng đối sánh CTĐT ngành quản lý công nghiệp

Tiêu chí đối sánh	Trường Đại học Lạc Hồng (LHU)	ĐH Arizona State University (ASU - Mỹ)	ĐH Bách Khoa TP.HCM (HCMUT - Khóa 2024)	ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM (HCMUTE – Khóa 2022)	ĐH Cần Thơ (CTU – Khóa 2018)
Bằng cấp (Level)	Cử nhân (Bậc 6)	Bachelor of Science in Engineering (BSE)	Cử nhân (Bậc 6)	Cử nhân (Bậc 6)	Kỹ sư (Bậc 7)
Tổng số Tín chỉ (TC)	122 TC	120 TC (Chuẩn ABET)	130 TC	125 TC (Đại trà) - 134 TC (CLC)	140 TC
Thời gian đào tạo	3.5 năm	4 năm	4 năm	4 năm	4 năm
Kiến thức Toán & KHTN	Tinh gọn (Tập trung Xác suất, Tối ưu) - ~31 TC (Khối Đại cương)	Nền tảng vừa đủ (Calculus, Physics) - ~19 TC	Rất nặng (Toán, Lý, Hóa) - ~39 TC (Khối Đại cương)	Nặng (Toán, Xác suất, KHTN) – 43 TC (Khối Đại cương)	Bao phủ rộng – 33/48 TC (Khối Đại cương)
Cơ sở Kỹ thuật	Cắt giảm Cơ khí hàn lâm. Tập trung IT, ERP.	Tự chọn linh hoạt. Không bắt buộc Cơ khí nặng.	Bắt buộc (Vật liệu, Nhiệt, Điện).	Bắt buộc (Vẽ kỹ thuật, Điện, Cơ khí đại cương).	Bắt buộc (Hình họa, Cơ học, Kỹ thuật điện).
Định hướng Chuyên ngành	Chuyển đổi số, Data Analytics, Lean, SCM	Hệ thống, Chuỗi cung ứng, Đổi mới sáng tạo	Quản lý Chuỗi cung ứng & Vận hành (SCM & Ops)	Đa dạng (SX, Chất lượng, Nhân sự, Marketing)	Quản lý sản xuất, Môi trường công nghiệp.
Đồ án / Thực tập	~ 16 TC (Thực tập 4 TC+ ĐA 2 TC+ Khóa luận 10 TC)	~ 6 TC (ĐATN I & II)	8 TC (Thực tập 2 TC, ĐA Chuyên ngành 2 TC, Khóa luận 4TC)	10 TC (Chuyên đề 2 TC, Thực tập 2 TC, Khóa luận 6TC)	14 TC (Thực tập 2 TC, Luận văn 10 TC + Tiểu luận 2 TC).

Các từ viết tắt:

TC: Tín chỉ (Credit) - Đơn vị đo lường khối lượng học tập.

VQF: Vietnam Qualifications Framework (Khung trình độ quốc gia Việt Nam) - Ban hành theo Quyết định 1982/QĐ-TTg.

BSE: Bachelor of Science in Engineering (Cử nhân Khoa học Kỹ thuật) - Tên văn bằng do Đại học ASU (Mỹ) cấp.

ABET: Accreditation Board for Engineering and Technology (Hội đồng Kiểm định Kỹ thuật và Công nghệ) - Tổ chức kiểm định các chương trình đào tạo kỹ thuật uy tín nhất của Mỹ và thế giới.

CLC: Chất lượng cao (Chương trình đào tạo hệ Chất lượng cao).

ĐA: Đồ án (Đồ án môn học, Đồ án chuyên ngành).

KHTN: Khoa học tự nhiên (Các môn Toán, Lý, Hóa đại cương).

SCM: Supply Chain Management (Quản trị Chuỗi cung ứng)

Ops: Operations / Operations Management (Quản trị Vận hành)

ERP: Enterprise Resource Planning (Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp)

Lean: Lean Manufacturing (Sản xuất tinh gọn).

IT: Information Technology (Công nghệ thông tin).

Data Analytics: Phân tích dữ liệu lớn.

ii) Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo.

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Nguyễn Thanh Lâm, 04/02/1980	082080003518	PGS, 2020	TS, Đài Loan, 2014	Kinh tế (Quản lý Công nghiệp)	15/9/2008	Số 91/HĐ-ĐHLH ngày 01/9/2013	9106008354	17		
2	Hồ Thị Thu Hòa 15/12/1975	026175011261	PGS (2015)	TS, Cộng hòa Slovakia 2007	Kinh tế quốc tế (chuyên sâu: Logistics và vận tải quốc tế)		Thỉnh giảng	HC4790298113 108	Dạy CT ĐH: 28 năm Dạy CT THS & TS: 19 năm	06	03
3	Nguyễn Thị Bạch Tuyết, 03/10/1979	075179001861		TS, VN, 2018	Kinh doanh thương mại	01/01/2002	Số 108/HĐ-ĐHLH ngày 02/5/2012	4702006769	24		
4	Nguyễn Quang Liêm, 10/4/1987	075087013002		ThS, VN, 2013	Quản trị kinh doanh	01/11/2009	Số 104/HĐ-ĐHLH ngày 02/5/2012	7510001756	16		
5	Nguyễn Văn Hải, 26/12/1985	075085007478		TS, VN, 2020	Kế toán	15/3/2008	Số 112/HĐ-ĐHLH ngày 02/5/2012	4707077570	18		

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
6	Bùi Văn Thụy, 15/3/1988	038088023004		ThS, VN, 2015	Tài chính - Ngân hàng	01/12/2011	Số 88/HĐ-ĐHLH ngày 31/7/2014	7512175636	14		
7	Đoàn Việt Anh, 20/10/1986	075086009657		ThS, VN, 2014	Quản trị kinh doanh	01/9/2008	Số 96/HĐ-ĐHLH ngày 02/5/2012	7508235839	18		
8	Lê Quốc Dĩnh, 28/7/1994	079094003036		ThS, VN, 2023	Tài chính - Ngân hàng	07/9/2024	Số 748/HĐ-ĐHLH ngày 23/9/2024	7938783833	01		
9	Hoàng Thị Quỳnh Anh, 11/02/1988	001188038951		ThS, VN, 2015	Tài chính - Ngân hàng	01/12/2011	Số 89/HĐ-ĐHLH ngày 31/12/2016	7512171541	14		
10	Nguyễn Tiến Quang, 23/9/1986	042086017987		ThS, VN, 2012	Kinh tế	01/10/2009	Số 118/HĐ-ĐHLH ngày 02/5/2012	7509143815	16		
11	Nguyễn Vũ Quỳnh, 27/3/1979	037079005213	PGS, 2021	TS, Đài Loan, 2013	Tự động hóa	10/06/2003	Số 14/HĐ-ĐHLH ngày 12/7/2003	4704001548	21		
12	Nguyễn Văn Trung, 05/3/1983	024083007040		TS, VN, 2022	Kỹ thuật cơ khí	01/03/2007	Số 138/HĐ-ĐHLH ngày 31/12/2008	7508053147	17		

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
13	Lê Phương Trường, 30/3/1982	066082004413	PGS, 2025	TS, Đài Loan, 2016	Kỹ thuật điện	20/08/2010	Số 24/HĐ-ĐHLH ngày 2/5/2012	7510192159	14		
14	Nguyễn Ngọc Lâm, 08/4/1948	025048000144	PGS, 2002	TS, Nga, 2002	Điện tử	01/05/2016	Số 32/HĐ-ĐHLH ngày 1/5/2016	Hưu	8		
15	Nguyễn Thanh Sơn 01/01/1980	075080007879		TS, Trung Quốc, 2013	Hệ thống điện	01/01/2003	Số 134/HĐ-ĐHLH ngày 1/10/2013	4703025482	21		
16	Huỳnh Cao Tuấn 23/02/1980	075080015906; Việt Nam		TS, Việt Nam, 2022	Hệ thống thông tin	01/5/2003	Số 40/HĐ-ĐHLH ngày 05/6/2003	4704001550	20		
17	Trần Hoàng Minh 10/7/1985	75085016627		TS, VN, 2021	Quản trị kinh doanh	01/09/2008	Số 229/HĐ-ĐHLH ngày 31/12/2014	7509047380	16		
18	Lê Phương Long 24/3/1984	066084010541		TS, Đài Loan, 2022	Cơ khí	01/12/2009	Số 33/HĐ-ĐHLH ngày 02/5/2012	7510001745	14		
19	Võ Ngọc Vinh 27/10/1988	054088011638		ThS, VN, 2012	Kỹ thuật điện	01/10/2012	Số 151/HĐ-ĐHLH ngày 1/10/2012	7512180079	12		

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
20	Phạm Văn Toàn 30/10/1979	038079031865		TS, VN, 2019	Kỹ thuật cơ khí	22/09/2004	Số 32/HĐ-ĐHLH ngày 2/5/2012	4704071741	20		
21	Lê Hoàng Anh 22/1/1983	075083021208		ThS, VN, 2012	Kỹ thuật điện tử	01/11/2005	Số 123/HĐ-ĐHLH ngày 1/1/2010	4706018156	18		
22	Hoàng Thị Nga 29/1/1987	030187021225		ThS, VN, 2016	Kỹ thuật điện	21/12/2009	Số 27/HĐ-ĐHLH ngày 2/5/2012	7510003138	14		
23	Đoàn Dương Quý 17/10/1983	075083010397		ThS, VN, 2020	Kỹ thuật điện	01/07/2007	Số 39/HĐ-ĐHLH ngày 2/5/2012	4707144938	17		
24	Nguyễn Thiện Tài 08/3/1985	075085011025		ThS, VN, 2017	Kỹ thuật cơ khí	15/10/2010	Số 40/HĐ-ĐHLH ngày 2/5/2012	7511161413	14		
25	La Khải Khải 16/4/1988	075088023063		ThS, VN, 2011	Kỹ thuật điện	15/10/2010	Số 41/HĐ-ĐHLH ngày 2/5/2012	7511161412	14		
26	Trần Hữu Tuyển 31/8/1979	034079024030		ThS, VN, 2013	Kỹ thuật cơ khí	10/02/2009	Số 34/HĐ-ĐHLH ngày 2/5/2012	7509076724	15		

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
27	Ngô Văn Bình 30/5/1977	083077010312		ThS, VN, 2019	Kỹ thuật điện	01/06/2000	Số 29/HĐ-ĐHLH ngày 2/5/2012	4701008803	24		
28	Nguyễn Hoàng Huy 01/11/1978	079078029027		ThS, VN, 2008	Kỹ thuật	03/05/2006	Số 135/HĐ-ĐHLH ngày 31/12/2011	4706070236	18		
29	Lê Tiến Lộc 28/11/1985	075085015818		TS, Đài Loan, 2018	Kỹ thuật điện	01/10/2008	Số 05/HĐ-ĐHLH ngày 1/2/2012	7509047375	16		
30	Huỳnh Tuấn Tú 29/6/1982	075082015105		TS, Đài Loan, 2018	Tự động hóa	03/05/2006	Số 153/HĐ-ĐHLH ngày 31/12/2010	4706070237	20		
31	Ngô Kim Long 14/2/1977	075088006934		ThS, VN, 2015	Kỹ thuật điện tử	13/11/2017	Số 1065/HĐ-ĐHLH ngày 29/11/2018	7526652588	6		
32	Huỳnh Đức Chấn 21/10/1982	054082003451		ThS, VN, 2011	Kỹ thuật điện tử	20/08/2010	Số 58/HĐ-ĐHLH ngày 5/8/2015	7408172992	14		
33	Nguyễn Duy Phú 22/12/1980	079080014370		ThS, VN, 2010	Kỹ thuật cơ khí	01/08/2018	Số 486/HĐ-ĐHLH ngày 31/5/2019	6606018315	6		

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
34	Trần Văn Thành 18/8/1975	045075000491		ThS, VN, 2012	Tự động hóa	01/01/2003	Số 189/HĐ-ĐHLH ngày 31/12/2012	4703025478	21		
35	Nguyễn Hà Thoại Phi 27/09/1980	75080011652		ThS, VN, 2008	Thiết bị mạng và nhà máy điện	01/03/2007	Số 23/HĐ-ĐHLH ngày 02/5/2012	7508128125	17		
36	Nguyễn Khánh Linh 17/8/1990	075190023310		ThS, VN, 2019	Kỹ thuật điện tử	22/02/2016	Số 327/HĐ-ĐHLH ngày 17/10/2017	7516095534	8		
37	Trần Trọng Đức 01/9/1995	042095018272		ThS, VN, 2022	Kỹ thuật điện	01/12/2017	Số 1111/HĐ-ĐHLH ngày 9/12/2019	4217407089	6		
38	Phan Như Quân 4/10/1980	060080003164; Việt Nam		TS, Trung Quốc, 2015	Kỹ thuật thông tin và truyền thông	1/3/2004	Số 27/HĐ-ĐHLH ngày 04/5/2016	4704038841	20		
39	Trần Văn Hoan 02/12/1983	075083026486 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2019	Lý luận và PP giảng dạy Bộ môn Toán	15/5/2008	Số 312/HĐ-ĐHLH ngày 02/10/2017	7508128238	16		
40	Đinh Thái Sơn 12/08/1985	096085012734 Việt Nam		TS, Đài Loan, 2022	Đại số & Lý thuyết số	15/1/2015	Số 22/HĐ-ĐHLH ngày 03/5/2016	4707180863	9		

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
41	Lê Thanh Bình 10/10/1985	075085019772; Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2014	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh	15/01/2010	Số 59/HĐ-ĐHLH ngày 02/5/2022	7510003674	14		
42	Trần Hồ Anh Phong 11/01/1984	075084022924; Việt Nam		ThS, Úc, 2013	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh	15/6/2010	Số 61/HĐ-ĐHLH ngày 02/5/2012	7510183184	14		
43	Nguyễn Minh Phú 25/12/1988	075088013106; Việt Nam		ThS, Úc, 2014	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh	22/6/2010	Số 60/HĐ-ĐHLH ngày 02/5/2012	7511156798	14		
44	Võ Thị Thanh Lan 13/08/1984	080184010364; Việt Nam		ThS, Úc, 2012	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh	1/9/2012	Số 170/HĐ-ĐHLH ngày 31/12/2013	7512179689	12		
45	Phạm Hồng Thái 19/02/1985	075085025291; Việt Nam		ThS, Úc, 2013	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh	1/9/2012	Số 171/HĐ-ĐHLH ngày 31/12/2013	7508241877	12		
46	Bùi Minh Hương 19/11/1984	068184007176; Việt Nam		ThS, Úc, 2009	TESOL (Giảng dạy tiếng Anh cho người nói NN)	1/8/2013	Số 224/HĐ-ĐHLH ngày 31/12/2014	7513161126	11		
47	Hoàng Vĩnh Lộc 30/07/1986	075086011274; Việt Nam		ThS, Úc, 2014	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh	15/5/2008	Số 37/HĐ-ĐHLH ngày 01/4/2011	7510001703	16		

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
48	Ngô Thị Thu Hà 21/10/1981	036181022448; Việt Nam		ThS, Australia, 2018	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	1/3/2009	Số 69/HĐ-ĐHLH ngày 02/5/2012	106023228	15		
49	Trần Võ Thanh Tùng, 02/02/1983	075083014762; Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2017	Giảng dạy tiếng Anh	1/9/2009	Số 68/HĐ-ĐHLH ngày 02/5/2012	7510002843	15		
50	Phạm Thị Nghĩa 10/12/1982	040182016613; Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2012	TESOL (Giảng dạy tiếng Anh cho người nói NN khác)	15/2/2011	Số 66/HĐ-ĐHLH ngày 02/5/2012	205377815	13		
51	Ngô Thị Huyền 20/02/1984	040184024208; Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và lịch sử	1/8/2019	Số 346/HĐ-ĐHLH ngày 22/7/2020	7508137183	5		
52	Lê Sơn Quang 20/07/1982	026082014884; Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2014	Quản trị kinh doanh	01/06/2006	Số 223/HĐ-ĐHLH ngày 31/12/2014	7508053145	18		
53	Trần Tiến 01/10/1984	075084009402; Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2017	Khoa học chính trị	01/06/2006	Số 21/HĐ-ĐHLH ngày 03/5/2016	7508053149	18		
54	Đoàn Thiện Minh 20/11/1985	271711810 Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2012	Công nghệ thông tin	1/3/2008		7508193441	17		

iii) Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Huỳnh Cao Tuấn	Tin học đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				
	Đoàn Thiện Minh							
2	Trần Văn Hoan	Toán Cao cấp C	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				
	Đinh Thái Sơn							
3	Nguyễn Minh Phú	Ngoại ngữ 1	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				
	Lê Thanh Bình							
4	Huỳnh Tuấn Tú	Nhập môn Quản lý công nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				
	Trần Văn Thành							
5	Phạm Văn Toàn	CAD cho thiết kế hệ thống sản xuất & Layout	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				
	Nguyễn Thiện Tài							
6	Phan Như Quân	Nguyên lý hệ thống điện – tự động cho nhà quản lý	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				
	Nguyễn Hà Thoại Phi							
7	Trần Hồ Anh Phong	Ngoại ngữ 2	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
	Võ Thị Thanh Lan							
8	Trần Văn Hoan	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
	Đinh Thái Sơn							
9	Nguyễn Quang Liêm	Kinh tế học	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
	Nguyễn Thị Bạch Tuyết							
10	Bùi Văn Thụy	Phân tích dữ liệu kinh doanh	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
	Lê Quốc Dĩnh							
11	Trần Hoàng Minh	Quản lý sản xuất	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
	Nguyễn Quang Liêm							
12	Trần Hoàng Minh	Quản trị học	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
	Đoàn Việt Anh							
13	Nguyễn Văn Hải	Nguyên lý kế toán	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
	Hoàng Thị Quỳnh Anh							
14	Phạm Hồng Thái	Ngoại ngữ 3	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				
	Bùi Minh Hương							
15	Ngô Thị Huyền	Triết học Mác - Lênin	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				
	Trần Tiến							
16	Ngô Thị Huyền	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				
	Lê Sơn Quang							
17	Ngô Thị Huyền	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				
	Trần Tiến							
18	Nguyễn Thanh Lâm	Quản trị sản xuất số	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				
	Trần Hoàng Minh							
19	Lê Tiến Lộc	Kỹ thuật dự báo trong công nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				
	Trần Văn Thành							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
20	Phan Như Quân	Quản lý và Tối ưu hóa quy trình	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				
	Huỳnh Đức Chấn							
21	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Kế toán quản trị	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				
	Hoàng Thị Quỳnh Anh							
22	Hoàng Vĩnh Lộc	Ngoại ngữ 4	Học kỳ 2, năm thứ 2	X				
	Ngô Thị Thu Hà							
23	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ 2	X				
	Hoàng Thị Quỳnh Anh							
24	Phạm Văn Toàn	Mô phỏng hệ thống	Học kỳ 2, năm thứ 2	X				
	Huỳnh Đức Chấn							
25	Huỳnh Tuấn Tú	Tự động hóa quá trình sản xuất và Internet vạn vật công nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ 2	X				
	Trần Văn Thành							
	Lê Phương Trường							
26	Phạm Văn Toàn	Tối ưu hóa vận hành	Học kỳ 2, năm thứ 2	X				
	Huỳnh Đức Chấn							
27	Nguyễn Ngọc Lâm	Hệ thống sản xuất thông minh	Học kỳ 2, năm thứ 2			X		
	Huỳnh Tuấn Tú							
28	Phan Như Quân	Bảo trì công nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ 2			X		
	Phạm Văn Toàn							
29	Trần Võ Thanh Tùng	Ngoại ngữ 5	Học kỳ 1, năm thứ 3	X				
	Phạm Thị Nghĩa							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
30	Lý Khánh Hòa	Pháp luật đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 3	X				
	Võ Anh Phúc							
31	Hồ Thị Thu Hòa	Logistics trong Chuỗi cung ứng	Học kỳ 1, năm thứ 3	X				
	Trần Hoàng Minh							
32	Huỳnh Đức Chấn	Sản xuất sạch & An toàn công nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 3	X				
	Ngô Kim Long							
33	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Sản xuất tinh gọn	Học kỳ 1, năm thứ 3	X				
	Nguyễn Quang Liêm							
34	Huỳnh Đức Chấn	Đồ án môn học quản lý công nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 3	X				
	Ngô Văn Bình							
35	Nguyễn Thanh Lâm	Quản trị mua hàng	Học kỳ 1, năm thứ 3			X		
	Nguyễn Thị Bạch Tuyết							
36	Phạm Văn Toàn	Thiết kế và phát triển sản phẩm	Học kỳ 1, năm thứ 3			X		
	Ngô Kim Long							
37	Nguyễn Thị Huyền	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kỳ 2, năm thứ 3	X				
	Lê Sơn Quang							
38	Nguyễn Thị Huyền	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học kỳ 2, năm thứ 3	X				
	Lê Sơn Quang							
39	Lê Hoàng Anh	Quản lý chất lượng	Học kỳ 2, năm thứ 3	X				
	Nguyễn Khánh Linh							
40	Lâm Ngọc Nhân	Thu mua Chiến lược	Học kỳ 2, năm thứ 3	X				

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
	Nguyễn Thị Bạch Tuyết							
41	Trần Văn Thành	Quản lý dự án	Học kỳ 2, năm thứ 3	X				
	Huỳnh Đức Chấn							
42	Nguyễn Thanh Lâm	Tiếng anh thương mại	Học kỳ 2, năm thứ 3	X				
	Huỳnh Tuấn Tú							
43	Hồ Thị Thu Hòa	Quản trị Vận hành và Chuỗi cung ứng	Học kỳ 2, năm thứ 3			X		
	Nguyễn Khánh Linh							
44	Phạm Văn Toàn	Chiến lược đổi mới sáng tạo doanh nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ 3			X		
	Hồ Thị Thu Hòa							
45	Tập thể Giảng viên tham gia hướng dẫn thực tập	Học kỳ thực tập	Học kỳ 1, năm thứ 4	X				
46	Tập thể Giảng viên tham gia hướng dẫn Báo cáo tốt nghiệp	Tốt nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 4	X				

iv) Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Phạm Văn Toàn 30/10/1979, Trưởng Khoa	TS, Việt Nam, 2019	Kỹ thuật cơ khí	

STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
2	Lê Hoàng Anh 22/01/1983, Phó trưởng Khoa	ThS, Việt Nam, 2016	Kỹ thuật điện tử	
3	Nguyễn Hà Thoại Phi 27/09/1980, Giáo vụ	ThS, Việt Nam, 2007	Thiết bị mạng và nhà máy điện	
4	Nguyễn Phan Xuân Khương, 19/4/1999, Quản lý thực tập	ThS, Việt Nam, 2015	Công nghệ kỹ thuật điện tử	
5	Hoàng Thị Nga, 29/01/1987, Quản sinh	ThS, Việt Nam, 2016	Kỹ thuật điện	
6	Nguyễn Thị Trúc Mai, 28/8/1991, Thư ký	KS, Việt Nam, 2015	Công nghệ sinh học	
7	Đoàn Dương Quý, 17/10/1983, Quản lý Trung tâm công nghệ robot	ThS, Việt Nam, 2022	Kỹ thuật điện	
8	Nguyễn Đình Đại, 13/1/1989, Quản lý phòng Lab	KS, Việt Nam, 2012	Kỹ thuật điện	

v) Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

TT	Tên công trình khoa học	Tác giả	Tên tạp chí/Hội thảo/NXB/	Năm đăng
1.	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ tại các công ty logistics ở TP . Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Trịnh Hoài Phong, Nguyễn Tuấn Hưng	Tạp chí kinh tế và dự báo. E-ISBN: 2734 - 9365	2025
2.	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại công ty TNHH xuất khẩu gỗ Trung Lâm	Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Thúy	Tạp chí tài chính	2025
3.	Ảnh hưởng của môi quan hệ lãnh đạo- nhân viên và sự hỗ trợ của tổ chức đến kết quả công việc tại các bệnh viện công lập TP. HCM	Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Đinh Văn Quang, Huỳnh Thanh Tú	Tạp chí tài chính. ISBN: 2615-8973	2025
4.	Strategic Pathways to Sustainability in Tourism: An Economic Model-Based Approach	Trần Hoàng Minh, Lê Thị Kiều Anh, Võ Thị Thanh Thủy	Veredas do Direito, v.22 n.4, e223762	2025

TT	Tên công trình khoa học	Tác giả	Tên tạp chí/Hội thảo/NXB/	Năm đăng
5.	Global commitment of micro-MNEs in Vietnam: leadership, digitalization, and corporate entrepreneurship as strategic foundations	Trần Hoàng Minh, Lưu Tiến Dũng, Nguyễn Thái Bình	Asia Pacific Business Review, ISSN: 1360-2381	2025
6.	Xây dựng mô hình nghiên cứu tác động của đào tạo xanh, vốn trí tuệ xanh và thực hành logistics xanh đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp	Nguyễn Thanh Lâm, Đoàn Thị Chuyên	Tạp chí kinh tế và dự báo	2025
7.	Đề xuất mô hình nghiên cứu tác động của lãnh đạo chuyển đổi đến hiệu suất của nhân viên	Nguyễn Thanh Lâm, Vy Vũ Hồng Thảo	Tạp chí kinh tế và dự báo. E-ISBN: 1859 - 4972	2025
8.	Some factors influencing employee performance in small and medium-sized enterprises: Preliminary survey results	Nguyễn Thanh Lâm, Vy Vũ Hồng Thảo	Proceedings of INTCESS 2025 - 12th Int'l Conference on Education & Social Sciences, ISBN: 978-605-72065-9-6	2025
9.	Mediating role of corporate culture on the impacts of leader-employee relationship on organizational citizenship behavior at SMEs in Dong Nai province	Nguyễn Thanh Lâm, Vy Vũ Hồng Thảo	Proceedings of INTCESS 2025 - 12th Int'l Conference on Education & Social Sciences, ISBN: 978-605-72065-9-7	2025
10.	Tác động của lãnh đạo chuyển đổi đến hiệu suất công việc của nhân viên tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Đồng Nai	Nguyễn Thanh Lâm, Vy Vũ Hồng Thảo	Nghiên cứu Kinh tế- Tài chính- e-ISSN: 3093-334X	2025
11.	Mô hình nghiên cứu tác động của luân chuyển công việc đến động lực làm việc và kết quả công việc của người lao động	Nguyễn Thanh Lâm, Vy Vũ Quỳnh Như	Nghiên cứu Kinh tế- Tài chính- e-ISSN: 3093-334X	2025
12.	Luân chuyển và kết quả công việc của nhân viên: Nghiên cứu trường hợp công chức hải quan Đồng Nai	Nguyễn Thanh Lâm, Vy Vũ Quỳnh Như	Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á	2025

TT	Tên công trình khoa học	Tác giả	Tên tạp chí/Hội thảo/NXB/	Năm đăng
13.	Intrinsic determinants of student entrepreneurial intentions: a conceptual model	Nguyễn Thanh Lâm, Huỳnh Thúc Hiếu	Proceedings of the International Conference on “Developing Scientific Technology and Innovation in the New Time”	2025
14.	Kinematics Characteristics Analysis for Wheeled Mobile Robots Applied in the Horizontal Pipeline Inspection with Constant Cross-section	Phạm Văn Toàn, Nguyễn Văn Trung, Đào Văn Dương, Mai Ngọc Anh	Proceedings of the International Conference on “Developing Scientific Technology and Innovation in the New Time”	2024
15.	Modeling maximum power control for wind turbines using particle swarm optimization algorithm	Phan Như Quân, Phạm Văn Toàn, Bùi Lê Cường Quốc, Hoàng Minh Hòa	ATC2024 (IEEE)	2024
16.	Enhanced Satellite Synchronization Using Type-2 Asymmetric Fuzzy Brain Emotional Learning Control	Lê Tiến Lộc, Nguyễn Hữu Hưng	IEEE Access	2024
17.	Trajectory tracking control of a line-following quadcopter using multilayer type-2 fuzzy Petri nets controller	Lê Tiến Lộc, Nguyễn Hữu Hưng	Neural Computing and Applications	2024
18.	Thiết kế, chế tạo AGV ứng dụng trong vận chuyển vật liệu công nghiệp với khả năng chịu tải cao	Phạm Văn Toàn, Nguyễn Văn Trung, Huỳnh Đức Chấn, Bùi Hoàng	Tạp chí Lạc Hồng, ISSN: 2525 - 2186	2024
19.	Self-Organizing Type-2 Fuzzy Double Loop Recurrent Neural Network for Uncertain Nonlinear System Control	Huỳnh Tuấn Tú, Li-Jiang Li, Xiang Chang, Fei Chao, Chih-Min Lin	IEEE Transactions on Neural Networks and Learning Systems	2024
20.	A 3D Membership Function-Based Type-2 Fuzzy Brain Emotional Learning Predictor for Forecasting Taiwan Stock Price	Huỳnh Tuấn Tú, Lê Châu Tấn Phát, Chih-Min Lin	International Journal of Fuzzy Systems	2024

TT	Tên công trình khoa học	Tác giả	Tên tạp chí/Hội thảo/NXB/	Năm đăng
21.	Smart Stock Forecasting: A New Approach with 3D Fuzzy Brain Learning and Modified Social Ski-Driver Optimization	Huỳnh Tuấn Tú, Lê Châu Tấn Phát	7th International Conference on Green Technology and Sustainable Development (GTSD)	2024
22.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phương Đông – Chi nhánh Đồng Nai	Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Võ Quốc Khương	Tạp chí kinh tế và dự báo. ISBN: 1859 - 4972	2024
23.	Các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng nguồn nhân lực y tế tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Đinh Văn Quang	Tạp chí kinh tế và dự báo. ISBN: 1859 - 4972	2024
24.	SMEs Internationalization via Digital Technology and Product Innovation: Leadership Attributes as a Core Driver	Trần Hoàng Minh, Lưu Tiến Dũng, Đặng Phúc Thảo Loan, Vũ Ngọc Minh Thư, Lê Thị Thùy Trang	International conference proceedings: The Conference on International Economic Cooperation and Integration 2024 (CIECI 2024): Green Policies and Practices: Catalyst or Pressure for Trade and Investment	2024
25.	CSR and De-Internationalization of SMES: The Role of R&D and Institutions	Trần Hoàng Minh, Lưu Tiến Dũng, Nguyễn Trọng Duy, Trần Bảo Nhật, Nguyễn Ngọc Thanh Vi, Đinh Nguyễn Tuyết Trân	International conference proceedings: The Conference on International Economic Cooperation and Integration	2024
26.	Mối quan hệ giữa kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và ERM trong tổ chức	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Tạp chí kinh tế và dự báo. ISBN: 1859 - 4972	2024

TT	Tên công trình khoa học	Tác giả	Tên tạp chí/Hội thảo/NXB/	Năm đăng
27.	Hoàn thiện hoạt động thanh tra, giám sát trong lĩnh vực tín dụng của ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai đối với các ngân hàng thương mại trên địa bàn	Nguyễn Văn Hải, Bùi Văn Thụy	Tạp chí Kinh tế và dự báo	2024
28.	Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của người lao động đang làm việc tại các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Nguyễn Văn Hải, Bùi Văn Thụy, Bùi Thị Đào	Tạp chí kinh tế và dự báo	2024
29.	Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại Công ty TNHH Kim Cương Sao Sáng	Nguyễn Văn Hải, Bùi Văn Thụy	Tạp chí kinh tế và dự báo. ISBN: 2734 - 9365	2024
30.	Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức kế toán trách nhiệm tại doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Nguyễn Văn Hải, Bùi Văn Thụy, Nguyễn Minh Quý	Tạp chí Kinh tế và dự báo	2024
31.	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Đồng Nai	Bùi Văn Thụy, Nguyễn Anh Đức, Đỗ Thị Thanh Quỳnh	Tạp chí Kinh tế và dự báo	2024
32.	Design and Fabrication AGVs for Industrial Product Transportation with High Load Capacity, International Conference on Control	Phạm Văn Toàn, Nguyễn Văn Trung, Huỳnh Đức Chấn, Dương Xuân Biên	Automation and Information Sciences (ICCAIS)	2023
33.	The Digital Transformations: Sustainable Development Solutions for Vietnamese Enterprises	Trần Hoàng Minh, Lương Nguyễn Duy Thông	ICE 2023 – 1st International Conference on Economics	2023
34.	Điều khiển máy dập lỗ nhôm tự động bằng động cơ AC servo	Phạm Văn Toàn, Huỳnh Đức Chấn, Phan Như Quân, Trần Văn Thành, Nguyễn Hữu Hưng, Võ Văn Diệu	Hội nghị thường niên quốc gia điện tử công suất	2023

TT	Tên công trình khoa học	Tác giả	Tên tạp chí/Hội thảo/NXB/	Năm đăng
35.	A technique to screen children with autism based on facial features	Trần Văn Thành, Lâm Thành Hiền, Đỗ Năng Toàn, Huỳnh Tuấn Tú, Nguyễn Trọng Truyền	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học công nghệ Quốc gia lần thứ XVI về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin (FAIR)	2023
36.	Design of Intelligent Controller Using Type-2 Fuzzy Cerebellar Model Articulation and 3D Membership Functions	Lê Tiến Lộc	International Journal of Fuzzy Systems	2023
37.	Non-linear Control System Using Function-Link Fuzzy Brain Emotional Controller	Lê Hoàng Anh, Lê Tiến Lộc	International Journal of Fuzzy Systems	2023
38.	Intelligent Controller Design for Precise Trajectory Control in Magnetic Levitation Systems	Lê Tiến Lộc, Nguyễn Hữu Hưng, Nguyễn Minh Triết, Huỳnh Xuân Dũng, Đỗ Đức Trí	Tạp chí trường ĐH SPKT HCM, ISSN: 2615 - 9740	2023
39.	Designing a Bankruptcy Prediction System using Function-Link Cerebellar Model Neural Network	Lê Hoàng Anh, Nguyễn Vũ Quỳnh, Phạm Văn Toàn, Lê Tiến Lộc, Nguyễn Hữu Hưng	IEEE International Conference on System Science and Engineering (ICSSE)	2023
40.	Fault-Tolerant Control for Robotic Systems Using a Wavelet Type-2 Fuzzy Brain Emotional Learning Controller and a TOPSIS-Based Self-Organizing Algorithm	Huỳnh Tuấn Tú, Phạm Đức Hưng, Chih-Min Lin	International Journal of Fuzzy Systems	2023
41.	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định vay tiêu dùng của Khách hàng cá nhân trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế hiện nay tại Ngân hàng TMCP Á Châu, Chi nhánh Đồng Nai	Bùi Văn Thụy, Trịnh Xuân Anh, Bùi Văn Bình	Tạp chí Công thương	2023

TT	Tên công trình khoa học	Tác giả	Tên tạp chí/Hội thảo/NXB/	Năm đăng
42.	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Nai	Bùi Văn Thụy, Ngô Thị Kim Ngọc, Võ Đình Ngôn	Tạp chí Kinh tế và dự báo	2023
43.	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của khách hàng tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Nguyễn Văn Hải, Bùi Văn Thụy, Lê Nguyên Giáp	Kỷ yếu: Hội thảo cấp Quốc gia - Đại học Nha Trang - Xu hướng nghiên cứu lĩnh vực Tài chính, Kế toán, Kiểm toán và Quản trị trong bối cảnh mới (2023), NXB Tài chính (Hà Nội 2023)	2023
44.	Automatic Door Opening System Using Face Recognition with PCA Algorithm	Phan Như Quân, Phạm Văn Toàn, Phan Như Phương, Nguyễn Đức Tiến	2022 6th International Conference on Green Technology and Sustainable Development (GTSD)	2022
45.	Adaptive Noise Cancellation Using Petri Fuzzy Brain Emotional Learning Based Neural Network	Lê Tiến Lộc, Phan Như Quân, Sowmyanarayanan Murugan	IEEE	2022
46.	The Synchronization of Hyperchaotic Systems Using a Novel Interval Type-2 Fuzzy Neural Network Controller	Ngô Văn Bình, Lê Tiến Lộc	IEEE Access	2022
47.	Self-evolving Multilayer Type-2 Fuzzy Controller Design for Time-Varying	Ngô Kim Long, Ngô Văn Bình, Lê Tiến Lộc, Nguyễn Vũ Quỳnh, Trần Văn Thành	6th International Conference on Green Technology and Sustainable Development (GTSD)	2022
48.	Decoupled Sliding Mode Control of Underactuated Nonlinear Systems Using a Fuzzy Brain Emotional Cerebellar Model Control System	Huỳnh Tuấn Tú, Geng-Lin Guo, Chih-Min Lin, Hsing-Yueh Cho, Fei Cha	International Journal of Fuzzy Systems	2022

TT	Tên công trình khoa học	Tác giả	Tên tạp chí/Hội thảo/NXB/	Năm đăng
49.	Wavelet CMAC for MIMO uncertain nonlinear systems using a modified social ski-driver algorithm	Huỳnh Tuấn Tú, Chih-Min Lin, Fei Chao, Lê Châu Tấn Phát	Asian Journal of Control	2022
50.	Nhận dạng cho hệ thống động phi tuyến sử dụng mạng nơron mờ phản hồi	Ngô Kim Long, Huỳnh Tuấn Tú, Nguyễn Thanh Sơn	Tạp chí Lạc Hồng	2022
51.	Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Đồng Nai trong thời đại cách mạng công nghệ 4.0	Bùi Văn Thụy, Lê Thủy Tiên	Kỷ yếu: Hội thảo quốc gia - Phân tích định lượng các vấn đề kinh tế và xã hội trong môi trường số - Lần thứ hai, NXB Khoa học kỹ thuật	2022
52.	Analysis of factors affecting digital transformation at small and medium enterprises in Dong Nai province	Bùi Văn Thụy, Lâm Ngọc Nhân	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế chuyên đổi số trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0	2022
53.	Giải pháp mở rộng hoạt động cho vay hộ sản xuất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn 2022 – 2030	Bùi Văn Thụy, Đặng Thị Kiều Oanh, Uông Thị Thủy Tiên	Tạp chí Công thương	2022
54.	Các yếu tố tác động đến sự thỏa mãn công việc của nhân viên văn phòng tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Bùi Văn Thụy, Phạm Ngọc Tú, Nguyễn Thị Tân Hường	Tạp chí Công thương	2022
55.	Impacts of Green Training on Green Competencies of Employees: Empirical Case of Industrial Manufacturers in Dong Nai Parks	Nguyễn Thanh Lâm, Nguyễn Thị Phương Thảo	6th Int'l Conference on Green Technology and Sustainable Development (GTSD)	2022
56.	Station-Keeping Control of a Hovering Over-Actuated Autonomous Underwater Vehicle Under Ocean Current Effects and Model Uncertainties in Horizontal Plane	Huỳnh Tuấn Tú, Mai Thế Vũ	IEEE Access	2021

TT	Tên công trình khoa học	Tác giả	Tên tạp chí/Hội thảo/NXB/	Năm đăng
57.	Xây dựng mô hình thực hành vi điều khiển nâng cao	Ngô Kim Long, Huỳnh Tuấn Tú, Nguyễn Thanh Sơn	Tạp chí Lạc Hồng	2021
58.	Novel system using blockchain for origin traceability of agricultural products	Nguyễn Thanh Lâm, Lâm Thành Hiển, Nguyễn Minh Sơn	Sensors and Materials, Vol. 33, No. 2	2021
59.	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển hệ thống LOGISTICS quốc gia	Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Nguyễn Thị Thúy Hồng, Phạm Thị Thanh Xuân, Đặng Thị Thúy Hà	Nhà xuất bản Lao Động – Xã Hội. ISBN: 978-604-65-4806-5	2020
60.	Adaptive filter design for active noise cancellation using recurrent type-2 fuzzy brain emotional learning neural network	Lê Tiến Lộc, Huỳnh Tuấn Tú, Chih-Min Lin	Neural Computing and Applications	2020